



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0028734

(51)⁷ A61J 9/06

(13) B

(21) 1-2017-02830

(22) 24/07/2017

(30) 15/226,771 02/08/2016 US; 15/331,014 21/10/2016 US; 15/426,899 07/02/2017 US

(45) 25/07/2021 400

(43) 26/02/2018 359A

(73) Mace Corporation (US)

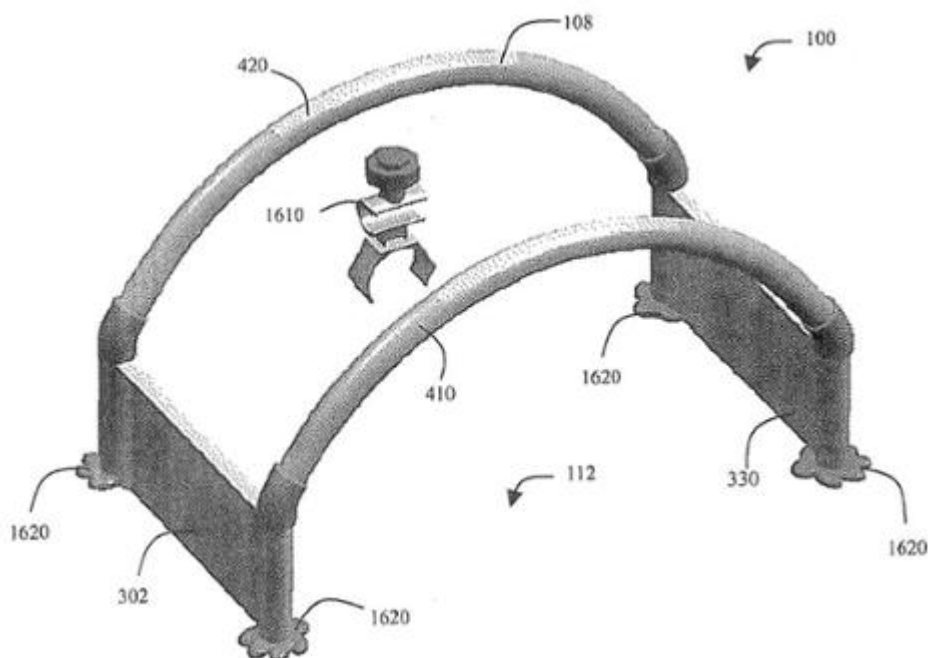
3860 Schiff Drive, Las Vegas, NV 89103, United States of America

(72) Edgardo Clores (US).

(74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM)

(54) HỆ THỐNG GIỮ BÌNH BÚ DỪNG CHO CƠ CẤU GIỮ TRẺ

(57) Sáng chế đề cập tới hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ có cụm khung có thanh xà. Bộ phận gắn được lắp qua thanh xà và gắn chắc chắn bình bú trên thanh xà.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Nói chung, sáng chế đề cập tới bộ phận giữ bình bú, và cụ thể hơn, sáng chế đề cập tới hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ di chuyển được có bộ phận gắn để giữ cố định bình bú cho trẻ.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Trung bình, mỗi lần cho trẻ sơ sinh bú cách nhau từ hai tới ba giờ và với lượng bú mỗi lần từ 56,7 tới 85,15 gam (2 tới 3 aoxơ). Số lần cho trẻ ăn có thể diễn ra từ 7 tới 9 lần mỗi ngày. Tần suất của việc cho trẻ bú có thể giảm trong quá trình trẻ phát triển và đồng thời sẽ mất nhiều thời gian hơn cho mỗi lần bú. Không may là việc cho trẻ bú bình có thể dẫn đến tình trạng quá sức ở người chăm sóc trẻ vì các bình bú cần phải được giữ ở các vị trí theo yêu cầu trong những khoảng thời gian dài và thường xuyên. Người chăm sóc trẻ có thể phải chịu tình trạng quá sức ở lưng, vai và cổ tay khi giữ bình bú. Hơn nữa, người chăm sóc trẻ có thể còn có những nhiệm vụ hoặc công việc khác cần hoàn thành và không thể dành đủ thời gian cho việc cho trẻ bú.

Nhiều bộ phận giữ bình bú cho trẻ hiện đã có mặt trên thị trường. Tuy nhiên, bộ phận giữ bình bú như vậy không thể được làm thích ứng cho các vị trí khác nhau của đứa trẻ trong khi bú. Ví dụ, đứa trẻ có thể thay đổi vị trí so với bộ phận giữ và làm cho bình bú trở thành không dùng được do những hạn chế góc. Các bộ phận giữ này có thể là không thuận tiện cho việc thiết lập và di chuyển tới những vị trí khác nhau. Hơn nữa, việc cho trẻ bú thường diễn ra trong cơ cấu giữ trẻ trong đó không có bộ phận giữ.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Do đó, mục đích của sáng chế là đề xuất hệ thống giữ bình bú cho phép giải quyết từng vấn đề như nêu trên. Hệ thống giữ bình bú theo sáng chế có thể

được dễ dàng vận chuyển và được làm thích ứng cho các vị trí bú và các kiểu bú khác nhau của trẻ. Hệ thống còn có thể được bố trí trong một cơ cấu giữ trẻ. Các hiệu quả và ưu điểm khác sẽ trở nên rõ ràng qua phần mô tả tiếp theo và các ưu điểm như nêu trên được đưa ra chỉ nhằm mục đích minh họa.

Phần này được đưa ra để giới thiệu lựa chọn về các khái niệm ở dạng đơn giản hóa sẽ được mô tả chi tiết hơn trong phần mô tả chi tiết sáng chế dưới đây. Phần bản chất kỹ thuật của sáng chế không nhằm xác định các khía cạnh chính của sáng chế, và cũng không dự kiến dùng để xác định phạm vi bảo hộ của sáng chế.

Theo một khía cạnh, sáng chế đề xuất hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ. Hệ thống giữ bình bú này có cụm khung có thanh xà. Bộ phận gắn được lắp qua thanh xà và gắn chắc chắn bình bú trên thanh xà.

Theo một khía cạnh khác, sáng chế đề xuất hệ thống cho trẻ bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ. Hệ thống cho trẻ bú này có kết cấu có thanh xà, trong đó độ dài của thanh xà được điều chỉnh dựa trên cơ cấu giữ trẻ. Bộ phận gắn được lắp qua thanh xà và gắn chắc chắn bình bú cho trẻ vào cơ cấu giữ trẻ.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Các dấu hiệu đặc trưng của sáng chế sẽ được xác định trong các điểm yêu cầu bảo hộ kèm theo. Trong phần mô tả tiếp theo, các chi tiết tương tự sẽ được biểu thị bằng các số chỉ dẫn tương tự trên toàn bộ bản mô tả và các hình vẽ kèm theo. Cần lưu ý rằng các hình vẽ không nhất thiết được thể hiện đúng tỷ lệ và các hình vẽ nhất định có thể được phóng to hoặc được thể hiện ở dạng sơ lược nhằm mục đích dễ nhìn và dễ hiểu. Tuy nhiên, sáng chế cũng như phương án ưu tiên, các đối tượng và ưu điểm của nó sẽ được hiểu rõ nhất qua phần mô tả chi tiết các phương án cụ thể của sáng chế có dựa vào các hình vẽ kèm theo, trong đó:

Fig.1 là hình vẽ dạng sơ đồ thể hiện hệ thống giữ bình bú được thể hiện trong môi trường theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.2 là hình vẽ dạng sơ đồ thể hiện hệ thống theo một ví dụ khác về môi trường theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.3 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện kết cấu dùng cho hệ thống được tách rời thành các bộ phận riêng biệt theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.4 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện hệ thống với bộ phận gắn giữ chắc chắn bình bú theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.5 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện hệ thống với bộ phận gắn được định vị ở vị trí không phải trung tâm theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.6 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện hệ thống có các rãnh để giữ bộ phận gắn đúng vị trí theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.7 là hình vẽ phối cảnh từ phía bên thể hiện một ví dụ khác về bộ phận gắn dùng cho hệ thống theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.8 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện hệ thống có bộ phận gắn theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.9 là hình vẽ mặt cắt ngang thể hiện hệ thống theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.10 là hình chiếu từ trên xuống thể hiện hệ thống theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.11 là hình chiếu đứng thể hiện bộ phận gắn theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.12 là hình chiếu cạnh thể hiện bộ phận gắn theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.13 là hình vẽ phối cảnh từ phía bên thể hiện một ví dụ khác về hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.14 là hình vẽ phóng to thể hiện phần cạnh bên của hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.15 là hình vẽ phóng to thể hiện phần giữa của hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.16 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện một ví dụ khác về bộ phận gắn dùng cho hệ thống theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.17 là hình vẽ phối cảnh từ phía bên thể hiện bộ phận gắn dùng cho hệ thống theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.18 là hình vẽ phối cảnh phóng to thể hiện bộ phận gắn dùng cho hệ thống theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.19 là hình chiếu cạnh thể hiện bộ phận gắn dùng cho hệ thống không có núm theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.20 là hình chiếu cạnh thể hiện một ví dụ về núm theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.21 là hình vẽ phối cảnh thể hiện bộ phận gắn dùng cho hệ thống theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.22 là hình chiếu cạnh thể hiện bộ phận gắn dùng cho hệ thống không có núm theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.23 là hình chiếu từ trên xuống thể hiện một ví dụ về núm theo một khía cạnh của sáng chế;

Fig.24 là hình chiếu từ phía sau thể hiện bộ phận gắn dùng cho hệ thống không có núm theo một khía cạnh của sáng chế; và

Fig.25 là hình chiếu đứng thể hiện một ví dụ về núm theo một khía cạnh của sáng chế.

Mô tả chi tiết sáng chế

Phần mô tả sau đây được đưa ra để cho phép người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này có thể áp dụng các phương án khác nhau được mô tả ở đây. Các phương án cải biến khác nhau đối với các phương án này có thể hiểu được dễ dàng đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này, và các nguyên lý chung được xác định ở đây có thể được áp dụng cho các phương án khác. Như vậy, các điểm yêu cầu bảo hộ không dự kiến bị giới hạn ở các phương án được thể hiện và được mô tả ở đây và được xác định tương

ứng với toàn bộ phạm vi phù hợp với ngôn ngữ của các điểm yêu cầu bảo hộ, trong đó phần tham khảo liên quan tới một phần tử ở dạng số ít không có nghĩa là "một và chỉ một" trừ khi được xác định rõ ràng như vậy, mà có nghĩa là "một hoặc nhiều". Tất cả các phương án tương đương về kết cấu và chức năng của các phần tử theo các phương án khác nhau của sáng chế đã biết hoặc sẽ biết sau này đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này đều được kết hợp ở đây bằng cách viện dẫn và dự kiến được xác lập bằng các điểm yêu cầu bảo hộ. Hơn nữa, không có gì bộc lộ ở đây dự kiến dành cho công chúng cho dù chi tiết bộc lộ như vậy có được nêu trong yêu cầu bảo hộ hay không.

Sáng chế đề cập tới hệ thống giữ bình bú và đề xuất nhiều kết cấu khác nhau cho hệ thống này. Cụ thể hơn, sáng chế mô tả kết cấu để giữ cố định và làm nghiêng bình bú cho trẻ ở vị trí bú chính xác trên một cơ cấu giữ trẻ. Theo một phương án minh họa, kết cấu này có thể được tạo ra gồm chi tiết phía bên thứ nhất và chi tiết phía bên thứ hai song song với nhau với một thanh xà được tạo ra giữa chúng. Độ dài của thanh xà có thể được điều chỉnh dựa trên cơ cấu giữ trẻ. Các chi tiết phía bên có thể đỡ thanh xà dùng cho một bộ phận gắn được móc vào đó. Bộ phận gắn này có thể có chi tiết gài bình bú để giữ một bình bú cho trẻ. Bộ phận gắn có thể xoay để tạo ra vị trí bú chính xác.

Nhiều phương án cải biến hoặc kết cấu khác đối với hệ thống giữ bình bú sẽ trở nên rõ ràng qua phần mô tả dưới đây. Theo cách có lợi, kết cấu của hệ thống giữ bình bú có thể tạo ra tác dụng đỡ đối với bộ phận gắn có chi tiết gài bình bú. Kết cấu này có thể làm ổn định bộ phận gắn khi em bé nắm lên các phần của kết cấu và lắc hoặc lay kết cấu. Hệ thống có thể được dễ dàng lắp ráp và tháo rời để vận chuyển từ nơi này đến nơi khác. Hơn nữa, nhiều cơ cấu giữ trẻ khác nhau có thể sử dụng hệ thống này. Các ưu điểm khác sẽ trở nên rõ ràng qua phần mô tả dưới đây.

Sáng chế sẽ đề xuất nhiều môi trường khác nhau đối với hệ thống theo Fig.1 và Fig.2, tiếp theo là phần mô tả về kết cấu của hệ thống với bộ phận gắn thứ nhất theo Fig.3 tới Fig.6. Bộ phận gắn thứ hai cùng với các chi tiết bổ sung

liên quan tới kết cấu được thể hiện trên Fig.7 tới Fig.12. Fig.13 tới Fig.15 thể hiện hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ. Fig.16 tới Fig.20 thể hiện bộ phận gắn thứ ba.

Theo Fig.1, hệ thống 100 để giữ cố định bình bú 102 được thể hiện trong môi trường minh họa 104 theo một khía cạnh của sáng chế. Môi trường 104 liên quan tới phương án trong đó em bé 106 nằm ngửa để bú bình, trường hợp này thường liên quan tới trẻ sơ sinh hoặc trẻ còn nhỏ. Hệ thống 100 có thể được sử dụng trong nhiều môi trường khác nhau sẽ trở nên rõ ràng qua phần mô tả dưới đây.

Kết cấu 108 của hệ thống 100 có thể được bố trí trên mặt đất 112, hoặc bề mặt phẳng khác. Hệ thống 100 còn có thể được đặt vào xe cũi, cũi lồng, đệm giường, xe nôi, hoặc vị trí tương tự. Như được thể hiện trên hình vẽ, kết cấu 108 có thể được định vị trên em bé 106. Một phần của kết cấu 108 có thể được định vị trên thân trên của em bé 106 theo phương án này. Kết cấu 108 có thể được thiết lập ở các góc khác nhau hoặc các vị trí khác nhau đối với em bé 106 nhằm điều chỉnh theo sở thích ăn uống của từng bé.

Độ rộng của kết cấu 108 có thể được xác định trước hoặc có thể điều chỉnh được. Cụ thể hơn, độ rộng này bao quanh cơ thể của bé. Độ dài của kết cấu 108 có thể thay đổi phụ thuộc vào em bé 106. Ví dụ, độ dài có thể kéo dài qua hai chân của bé sao cho em bé 106 không đá đổ kết cấu. Độ dài và độ rộng của kết cấu 108 có thể là các yếu tố xác định để tạo ra độ ổn định cho kết cấu 108.

Độ cao của kết cấu 108 có thể được thiết lập sao cho đủ khe hở được thiết lập để em bé 106 có thể bú thích hợp. Độ cao có thể có kết hợp khe hở đối với các vị trí khác nhau của bình bú 102 có tính đến các chuyển động quay bởi bộ phận gắn thứ nhất 110. Theo một phương án, độ cao của kết cấu 108 có thể được tăng hoặc giảm phụ thuộc vào môi trường và em bé 106.

Bộ phận gắn thứ nhất 110 có thể giữ bình bú 102 bên trên đầu của bé để cho phép em bé 106 có thể bú. Theo một phương án, kết cấu 108 cùng với bộ

phận gắn 110 có thể cho phép em bé 106 có thể bú mà không cần dùng tay. Độ dài của bộ phận gắn 110, như sẽ được thể hiện, có thể được điều chỉnh sao cho các độ cao khác nhau đối với bình bú 102 có thể được thực hiện.

Theo một phương án, kết cấu 108 có thể có các phương tiện gắn ở phần đáy để ngăn không cho kết cấu 108 bị nghiêng hoặc bị lật bởi em bé 106. Các phương tiện gắn có thể gắn chắc chắn hệ thống 100 vào mặt đất 112, xe cũi, cũi lồng, đệm giường, xe nôi, hoặc vị trí tương tự. Các phương tiện gắn có thể có, nhưng sáng chế không bị giới hạn như vậy, khóa dán, chốt gắn kiểu tán đinh, khuy cài, khóa kéo, chốt cài, móc cài, hoặc phương tiện tương tự để gắn chắc chắn kết cấu 108.

Hệ thống 100 có thể được sử dụng trong các môi trường khác, ví dụ, khi em bé 106 bắt đầu tự đứng. Fig.2 là hình vẽ phối cảnh thể hiện hệ thống 100 theo một ví dụ khác về môi trường 202 theo một khía cạnh của sáng chế. Hệ thống 100 này có thể được định vị trên cũi lồng 204, hoặc phương tiện tương tự, nhờ đó cho phép em bé 106 có thể đứng trong khi bú từ bình bú 102. Mặc dù môi trường 202 được thể hiện với hệ thống 100 ở bên trong cũi lồng 204, các kiểu cơ cấu khác có thể được sử dụng để tăng độ cao của kết cấu 108.

Hệ thống 100 có thể được gắn chặt vào cũi lồng 204 ở cạnh bên thứ nhất 206 và cạnh bên thứ hai 208. Độ cao của kết cấu 108 có thể được điều chỉnh theo chiều cao của bé. Độ cao này có thể có độ cao hoặc khe hở bổ sung dùng cho bộ phận gắn thứ nhất 110 có chi tiết gài bình bú. Bình bú 102 có thể được xoay bởi em bé 106 tới vị trí bú chính xác nhờ bộ phận gắn 110.

Nhiều phương tiện gắn 210 có thể được sử dụng để liên kết hệ thống 100 với cũi lồng 204. Ví dụ, kẹp, chi tiết cài, chi tiết khóa, và đầu nổi khác có thể được dùng làm các phương tiện gắn 210. Nhiều phương tiện gắn 210 có thể được sử dụng cho hệ thống 100. Cụ thể hơn, các phương tiện gắn 210 có thể được định vị ở phần bên ngoài của kết cấu 108. Các phương tiện gắn 210 có thể tạo ra tác dụng đỡ sao cho hệ thống 100 không bị tuột khi bị lắc hoặc dịch chuyển bởi em bé 106.

Fig.3 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện kết cấu 108 dùng cho hệ thống 100 được tách rời thành các bộ phận riêng biệt theo một khía cạnh của sáng chế. Cụ thể là, kết cấu 108 có bộ phận thứ nhất 302 và bộ phận thứ hai 330 để tạo ra tác dụng đỡ và độ ổn định khi cho em bé 106 bú. Số bộ phận ít hơn hoặc nhiều hơn có thể được sử dụng bên trong kết cấu 108 và sáng chế không bị giới hạn như được thể hiện trên hình vẽ.

Bắt đầu với bộ phận thứ nhất 302, bộ phận thứ nhất 302 này có thể có phần hình chữ nhật 312 được bao quanh bởi đầu cạnh bên thứ nhất 304 và đầu cạnh bên thứ hai 306. Phần 312 có thể được làm bằng một vật liệu cứng vững như chất dẻo cứng hoặc kim loại. Phần 312 có thể có chi tiết đồ họa ở vị trí nhìn vào trong để giải trí cho em bé 106. Theo một phương án, các vật liệu phản xạ hoặc một gương có thể được bố trí trên phần 312. Đồ chơi hoặc cơ cấu tương tự khác có thể được bố trí trên phần 312 cũng để giải trí cho em bé 106 trong khi bú.

Phần hình chữ nhật 312, cũng như các đầu cạnh bên 304 và 306, có thể cao bằng cơ thể của bé. Độ cao có thể được thiết lập với khe hở khác đối với đầu của bé. Độ cao này có thể điều chỉnh được nhờ các phần kéo dài. Phần kéo dài có thể có các đoạn mở rộng được và thu vào được đi vào và đi ra khỏi các đầu cạnh bên 304 và 306. Theo một phương án, các phần kéo dài đối với độ cao của kết cấu 108 có thể được tạo ra nhờ các phần nối với phần hình chữ nhật 312.

Tiếp tục với Fig.3, hình vẽ này thể hiện thanh thứ nhất 308 đi ra khỏi đầu cạnh bên thứ nhất 304 và thanh thứ hai 310 đi ra khỏi đầu cạnh bên thứ hai 306. Thanh thứ nhất 308 và thanh thứ hai 310 có thể được làm bằng vật liệu cứng vững như chất dẻo, kim loại hoặc vật liệu khác. Các thanh 308 và 310 có thể uốn về phía bộ phận thứ hai 330 khi được kết hợp với nhau. Thanh thứ nhất 308 và thanh thứ hai 310 của bộ phận thứ nhất 302 có thể chiếm một nửa khoảng cách được dùng bởi kết cấu 108 để bao quanh em bé 106 như đã mô tả trên đây.

Theo một phương án, thanh thứ nhất 308 và thanh thứ hai 310 có thể

được đặt vào đầu cạnh bên thứ nhất 304 và đầu cạnh bên thứ hai 306. Các đầu cạnh bên 304 và 306 có thể được làm rộng sao cho các thanh 308 và 310 có thể được trượt vào vị trí. Các thanh 308 và 310 có thể được dễ dàng lắp vào hoặc tháo ra khỏi các đầu cạnh bên 304 và 306 khi tháo lắp. Theo cách khác, thanh thứ nhất 308 và thanh thứ hai 310 có thể được gắn chặt vĩnh viễn vào các đầu cạnh bên 304 và 306.

Thanh thứ nhất 308 trên bộ phận thứ nhất 302 có thể có điểm đầu nối thứ nhất 314. Điểm đầu nối thứ nhất 314 có thể lắp vào điểm đầu nối thứ hai 344 trên thanh thứ hai 338 của bộ phận thứ hai 330. Điểm đầu nối thứ nhất 314 có thể có đầu nối đực và điểm đầu nối thứ hai 344 có thể có đầu nối cái để tạo ra tác dụng đỡ đối với kết cấu 108. Khi lắp vào nhau, đầu nối đực và đầu nối cái có thể đủ độ bền cho kết cấu 108 để chịu được lực lắc và lay tác dụng lên kết cấu 108 bởi em bé 106.

Thanh thứ nhất 308 của bộ phận thứ nhất 302 và thanh thứ hai 338 của bộ phận thứ hai 330 có thể có các kiểu phương tiện gắn khác để gắn chắc chắn chúng với nhau khi không có điểm đầu nối thứ nhất 314 và điểm đầu nối thứ hai 344. Ví dụ, khóa dán có thể được bố trí trên từng thanh 308 và 338. Theo một phương án, một ống bọc chất dẻo có thể được lắp lên thanh thứ nhất 308 hoặc thanh thứ hai 338 và được trượt lên thanh còn lại để liên kết chúng với nhau.

Theo phương án được thể hiện, mỗi nối thứ hai có thể được tạo ra để tạo ra tác dụng đỡ đối với kết cấu 108. Thanh thứ hai 310 trên bộ phận thứ nhất 302 có thể có điểm đầu nối thứ hai 316. Điểm đầu nối thứ hai 316 có thể lắp vào điểm đầu nối thứ nhất 342 trên thanh thứ nhất 336 của bộ phận thứ hai 330. Điểm đầu nối thứ hai 316 có thể có đầu nối cái và điểm đầu nối thứ nhất 342 có thể có đầu nối đực để tạo ra tác dụng đỡ đối với kết cấu 108. Các biến đổi đối với mỗi nối này có thể được sử dụng, như nêu trên. Nhờ cả hai mỗi nối, tác dụng đỡ chắc chắn hơn có thể được thiết lập cho kết cấu 108.

Tương tự bộ phận thứ nhất 302, bộ phận thứ hai 330, như mô tả văn tắt trên đây và sẽ được mô tả chi tiết hơn sau đây, có thể có phần hình chữ nhật 340

với đầu cạnh bên thứ nhất 334 và đầu cạnh bên thứ hai 332. Đầu cạnh bên thứ nhất 334 có thể được nối với thanh thứ nhất 336 và đầu cạnh bên thứ hai 332 có thể được nối với thanh thứ hai 338. Các bộ phận này có thể có kết cấu giống như phương tiện đã mô tả trên đây liên quan tới bộ phận thứ nhất 302. Bộ phận thứ hai 330 có thể có thanh thứ nhất 336 và thanh thứ hai 338 với điểm đầu nối thứ hai 344 và điểm đầu nối thứ nhất 342 đã minh họa trên đây để liên kết thanh thứ nhất 308 và thanh thứ hai 310 của bộ phận thứ nhất 302 để tạo ra kết cấu ổn định và bền chắc 108.

Như được thể hiện trên hình vẽ, kết cấu 108 có thanh thứ nhất 308 và thanh thứ hai 310 trên bộ phận thứ nhất 302 được liên kết với thanh thứ hai 338 và thanh thứ nhất 336 trên bộ phận thứ hai 330. Bằng cách lắp đối tiếp các thanh 308, 310, 336 và 338, kết cấu ổn định và cứng vững được thiết lập sao cho chịu được các lực được tạo ra bởi em bé 106. Các thanh 308, 310, 336 và 338 kéo dài theo phương thẳng đứng và kết thúc ở phương nằm ngang khi được nối với nhau để tạo ra kết cấu 108. Khi được nối, các thanh 308, 310, 336 và 338 tạo ra các thanh xà.

Fig.4 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện hệ thống 100 với bộ phận gắn 110 gắn chắc chắn bình bú 102 theo một khía cạnh của sáng chế. Để đỡ bộ phận gắn thứ nhất 110, ít nhất một thanh xà 410 hoặc 420 có thể được tạo ra bởi kết cấu 108. Mặc dù hai thanh xà 410 và 420 được thể hiện trên hình vẽ, một thanh xà hoặc nhiều hơn hai thanh xà có thể được sử dụng. Cụ thể hơn, nhiều thanh xà hơn có thể tạo ra độ chắc chắn và ổn định lớn hơn cho kết cấu 108 và hệ thống 100.

Thanh xà thứ nhất 410 trên kết cấu 108 của hệ thống 100 có thể được tạo ra gồm bộ phận thứ nhất 302 và bộ phận thứ hai 330. Theo một phương án, và như được thể hiện trên hình vẽ, thanh 308 trên bộ phận thứ nhất 302 có thể được liên kết cùng với thanh thứ hai 338 của bộ phận thứ hai 330. Các đầu nối cái và đực đã được mô tả trên đây, tuy nhiên, các kiểu nối khác có thể được sử dụng và sáng chế không bị giới hạn như vậy. Thanh xà thứ nhất 410, nhờ các

thanh 308 và 338, có thể bắt đầu thẳng đứng lần lượt từ các chi tiết của chúng 302 và 330, và uốn nằm ngang khi giao ở trung điểm là vị trí xuất hiện mối nối. Dạng hình cung có thể tạo ra tác dụng đỡ cho kết cấu 108.

Thanh xà thứ hai 420 của kết cấu cũng có thể được tạo ra gồm bộ phận thứ nhất 302 và bộ phận thứ hai 330. Thanh thứ hai 310 của bộ phận thứ nhất 302 có thể được nối với thanh thứ nhất 336 của bộ phận thứ hai 330. Các đầu nối cái và đực có thể được sử dụng cùng với các kiểu khác và sáng chế không bị giới hạn ở các kiểu như đã mô tả trên đây. Thanh xà thứ hai 420 được tạo ra từ thanh thứ hai 310 và thanh thứ nhất 336 có thể có hình cung tương tự như thanh xà thứ nhất 410.

Thanh xà thứ nhất 410 hoặc thanh xà thứ hai 420, như được thể hiện trên Fig.4, có thể đỡ bộ phận gắn thứ nhất 110. Bộ phận gắn 110, theo một phương án, có thể xoay để điều chỉnh vị trí bú của bình bú 106. Mặc dù trên đây chỉ thể hiện một vị trí lắc, bộ phận gắn 110 cho phép bình bú 106 có thể được quay ở các góc khác nhau và lắc lên và xuống dọc theo thanh xà thứ hai 420.

Bộ phận gắn thứ nhất 110 có thể có nhiều chi tiết gồm, nhưng không bị giới hạn như vậy, bu lông 432, móc 434 và chi tiết cài 436. Bộ phận gắn 110 được thể hiện chỉ là một ví dụ và sáng chế không bị giới hạn như vậy. Bộ phận gắn thứ hai sẽ được thể hiện dưới đây và thêm hoặc bớt chi tiết có thể có mặt ở giữa để tạo ra các kết hợp khác nhau của các bộ phận gắn.

Bu lông 432 của bộ phận gắn thứ nhất 110 có thể được sử dụng để gắn chắc chắn bộ phận gắn 110 vào thanh xà thứ hai 420. Bu lông 432 có thể được nối lỏng hoặc siết chặt để nhả hoặc gắn chắc chắn bộ phận gắn 110, ví dụ, nhờ vít và ren. Các kiểu cơ cấu khác có thể được sử dụng để gắn chắc chắn bộ phận gắn 110 vào thanh xà 420.

Móc 434 cho phép bộ phận gắn thứ nhất 110 có thể được định vị trên thanh xà 420, với bu lông 432 gắn chắc chắn móc 434 vào vị trí trên thanh xà 420. Móc 434 có lỗ hở nhờ đó cho phép nó có thể được trượt lên thanh xà 420. Được nối với móc 434 có thể có chi tiết cài 436. Từng bộ phận gắn, được thể

hiện ở đây, có thể có chi tiết gài bình bú, và có thể là chi tiết cài 436 theo một phương án. Chi tiết cài 436, có tác dụng làm chi tiết gài bình bú, có thể kẹp bình bú 102 vào vị trí. Các kiểu khác nhau của chi tiết cài 436 có thể được sử dụng phụ thuộc vào các kiểu kết cấu khác nhau đối với bình bú 102. các bình bú 102 có thể có nhiều kích cỡ và hình dạng khác nhau.

Theo một phương án, khoảng cách giữa móc 434 và chi tiết cài 436 có thể thay đổi. Khoảng cách giữa chúng cho phép chi tiết cài 436 có thể được hạ xuống. Khoảng cách này có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào em bé 106. Các phần kéo dài đơn giản có thể được sử dụng, ví dụ, phần kéo dài này sẽ được bố trí giữa mặt dưới của móc 434 và mặt trên của chi tiết cài 436 mà không cần hàn hai chi tiết này với nhau.

Móc 434 có thể được gắn chắc chắn vào thanh xà 420 nhờ bu lông 432 để có thể ngăn chặn không cho di chuyển của bộ phận gắn thứ nhất 110 lắc thanh xà 420 lên và xuống như đã minh họa trên đây. Bình bú 102 được giữ bởi chi tiết cài 436 cũng sẽ ở trạng thái đứng yên. Theo cách khác, móc 434 có thể quay dọc theo thanh xà 420, nhờ đó cho phép bộ phận gắn 110 có thể lắc lên và xuống. Nhờ chuyển động quay, các góc khác nhau có thể được tạo ra để cho em bé bú nhờ bình bú 102 được gắn chặt vào chi tiết cài 436. Theo một phương án, chi tiết cài 436 còn có thể quay ở phần trên của nó, nhờ đó cho phép bình bú 102 có thể di chuyển lên và xuống và sang trái và phải cho vị trí bú tối ưu.

Fig.5 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện hệ thống 100 với bộ phận gắn 110 được định vị ở vị trí không phải trung tâm theo một khía cạnh của sáng chế. Trước hết, bộ phận gắn thứ nhất 110 được thiết lập ở điểm giữa của thanh xà thứ hai 420, tuy nhiên, bộ phận gắn 110 có thể được bố trí dọc theo nhiều vị trí khác nhau dọc theo kết cấu 108 có thanh xà thứ nhất 410 và thanh xà thứ hai 420.

Điểm thứ hai 502 có thể được sử dụng để gắn chắc chắn bộ phận gắn thứ nhất 110. Như đã mô tả trên đây, bu lông 432 của bộ phận gắn 110 có thể được hạ xuống hoặc được nâng lên, nhờ đó gắn chắc chắn bộ phận gắn 110 vào điểm

502. Bình bú 102 có thể được gắn chặt vào chi tiết cài 436 và tạo ra vị trí hoặc góc bú khác cho em bé 106. Bình bú 102 cũng có thể được điều chỉnh sao cho nó có thể quay lên, xuống, sang trái và phải nhờ các cơ cấu này như nêu trên.

Fig.6 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện hệ thống 100 có các rãnh 602 để giữ bộ phận gắn 110 đúng vị trí theo một khía cạnh của sáng chế. Để tạo ra một cơ cấu gắn bổ sung, bộ phận gắn 110 có thể được định vị ở một rãnh 602 dọc theo thanh xà thứ hai 420. Các rãnh 602, theo một phương án, có thể thay đổi phụ thuộc vào vị trí của chúng trên thanh xà 420. Ví dụ, rãnh 602 càng gần về phía các đầu của thanh xà 420 thì rãnh 602 này càng sâu. Điều này có thể cho phép gắn tốt hơn móc 434 với chi tiết cài 436 vào thanh xà 420. Theo một phương án, các rãnh 602 có thể được bố trí trên thanh xà thứ nhất 410.

Fig.7 là hình vẽ phối cảnh phía bên thể hiện bộ phận gắn 710 theo một ví dụ khác dùng cho hệ thống 100 theo một khía cạnh của sáng chế. Mặc dù được thể hiện là một bộ phận gắn được nối với thanh xà 420, kết cấu 108 có thể đỡ nhiều hơn một bộ phận gắn. Bộ phận gắn thứ hai 710 có thể có, nhưng không bị giới hạn như vậy, kẹp 712 và chi tiết giữ 714, hoặc chi tiết gài bình bú, được cố định với nhau bằng mối hàn 716.

Bộ phận gắn thứ hai 710, tương tự bộ phận gắn thứ nhất 110, có thể được định vị dọc theo thanh xà thứ hai 420, như thể hiện được tạo ra bởi thanh thứ hai 310 của bộ phận thứ nhất 302 và thanh thứ nhất 336 của bộ phận thứ hai 330, hoặc dọc theo các thanh xà khác trên kết cấu 108. Các rãnh 602, như nêu trên, có thể được sử dụng để gắn chặt bộ phận gắn 710 vào vị trí có điểm giữa của thanh xà 420 hoặc dọc theo các vị trí khác nhau trên thanh xà 420.

Kẹp 712 của bộ phận gắn thứ hai 710 còn có thể tạo ra độ bền cho thanh xà thứ hai 420. Kẹp 712, rộng hơn so với móc 434 của bộ phận gắn thứ nhất 110, có thể tạo ra trạng thái cố định chắc chắn của thanh thứ hai 310 vào thanh thứ nhất 336. Kẹp 712 có thể có lỗ hổng mà tại đó nó có thể được lắp trên thanh xà 420. Theo cách này, người sử dụng có thể trượt kẹp 712 trên thanh xà 420 và

liên kết giữ chắc chắn có thể được tạo ra.

Theo các phương án của sáng chế, móc 434 và kẹp 712 có thể được tạo dạng vòng kín. Để móc 434 hoặc kẹp 712 dạng vòng kín có thể được gắn chặt vào thanh xà thứ hai 420, thanh thứ hai 310 và thanh thứ nhất 336 có thể được tháo và móc 434 hoặc kẹp 712 sẽ được trượt lên đó và thanh thứ hai 310 và thanh thứ nhất 336 được nối lại. Sau đó, móc 434 hoặc kẹp 712 được định vị. Móc 434 hoặc kẹp 712 dạng vòng tròn còn có thể được bố trí trên thanh xà thứ nhất 410 nhờ các kỹ thuật tương tự. Theo cách có lợi, bộ phận gắn thứ nhất 110 hoặc bộ phận gắn thứ hai 710 có thể được cố định vào kết cấu 108 chắc chắn hơn.

Được nối với kẹp 712 có thể là chi tiết giữ 714 ở phần dưới của bộ phận gắn thứ hai 710. Mỗi hàn 716 có thể là mối hàn vật lý hoặc kiểu nối khác để cố định hai chi tiết này với nhau. Một chi tiết kéo dài có thể được sử dụng để có thể thay đổi khoảng cách giữa kẹp 712 và chi tiết giữ 714.

Chi tiết giữ 714, có độ rộng lớn hơn rõ ràng so với chi tiết cài 436 của bộ phận gắn thứ nhất 110, có thể được sử dụng để giữ bình bú 102 dùng cho em bé 106. Chi tiết gài bình bú này có thể giữ bình bú 102 có kích thước và kích cỡ thay đổi. Các chi tiết gài bình bú, có chi tiết cài 436 và chi tiết giữ 714, có thể được hoán đổi với nhau trên bộ phận gắn thứ nhất 110 và bộ phận gắn thứ hai 710. Ví dụ, móc 434 của bộ phận gắn thứ nhất 110 có thể được ghép cặp với chi tiết giữ 714 của bộ phận gắn thứ hai 710. Kẹp 712 của bộ phận gắn thứ hai 710 có thể được ghép cặp với chi tiết cài 436 của bộ phận gắn thứ nhất 110.

Theo các phương án của sáng chế, chi tiết cài 436 hoặc chi tiết giữ 714 có thể có dạng vòng kín. Bình bú 102 có thể được lắp qua một phía của chi tiết cài 436 hoặc chi tiết giữ 714. Chi tiết cài 436 hoặc chi tiết giữ 714 dạng vòng kín có thể cho phép giữ chắc chắn hơn bình bú 102.

Fig.8 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện hệ thống 100 có bộ phận gắn 710 theo một khía cạnh của sáng chế. các rãnh 602, như đã minh họa trên đây, có thể có trên thanh xà thứ nhất 410, thanh xà thứ hai 420 hoặc cả hai

thanh xà này. Hình vẽ phối cảnh này thể hiện rằng kẹp 712 có thể được kẹp vào điểm giữa của thanh xà thứ hai 420 đối với kết cấu 108 của hệ thống 100 có chi tiết giữ 714 nằm bên dưới. Các chi tiết thay đổi khác như đã mô tả trên đây.

Theo các chi tiết bổ sung liên quan tới kết cấu 108 của hệ thống 100, Fig.9 là hình vẽ mặt cắt ngang thể hiện hệ thống 100 theo một khía cạnh của sáng chế. Bộ phận thứ nhất 302 và bộ phận thứ hai 330 có thể được định vị vuông góc với mặt đất 112. Kéo dài từ đầu cạnh bên thứ hai 306 của bộ phận thứ nhất 302 có thể là thanh thứ hai 310 được nối với thanh thứ nhất 336 kéo dài từ đầu cạnh bên thứ nhất 334 của bộ phận thứ hai 330. Kết hợp của hai thanh 336 và 306 có thể tạo ra thanh xà thứ hai 420.

Để mô tả chi tiết mối nối giữa hai thanh 310 và 336, điểm đầu nối thứ hai 316 của thanh thứ hai 310 của bộ phận thứ nhất 306 có thể có đầu nối cái. Khi lắp với điểm đầu nối thứ nhất 342, nghĩa là đầu nối đực, của thanh thứ nhất 336 trên bộ phận thứ hai 330, kết cấu cứng vững 108 được tạo ra khi điểm đầu nối thứ nhất 342 có thể được bao quanh bởi điểm đầu nối thứ hai 316. Theo một phương án, để tạo ra tác dụng đỡ bổ sung cho kết cấu 108, kẹp 712 có chi tiết giữ 714 của bộ phận gắn thứ hai 710 có thể được sử dụng để cố định thanh thứ nhất 336 và thanh thứ hai 310 với nhau.

Fig.10 là hình chiếu từ trên xuống thể hiện hệ thống 100 theo một khía cạnh của sáng chế. Phần hình chữ nhật 312 trên bộ phận thứ nhất 302 có thanh thứ nhất 308 và thanh thứ hai 310. Phần hình chữ nhật 340 của bộ phận thứ hai 330 có thanh thứ nhất 336 và thanh thứ hai 338.

Thanh xà thứ nhất 410 có thể được tạo ra bởi thanh thứ nhất 308 có điểm đầu nối thứ nhất 314, có thể là đầu nối đực, và thanh thứ hai 338 có điểm đầu nối thứ hai 344, có thể là đầu nối cái. Thanh xà thứ hai 420 có thể được tạo ra bởi thanh thứ hai 310 có điểm đầu nối thứ hai 316, có thể là đầu nối cái, và thanh thứ nhất 336 có điểm đầu nối thứ nhất 342, có thể là đầu nối đực. Các đầu nối đực lắp vào các đầu nối cái tạo ra kết cấu ổn định 108.

Mặc dù bộ phận thứ nhất 302 và bộ phận thứ hai 330 được thể hiện trên

hình vẽ có cả đầu nối cái và lẫn đầu nối đực, nhưng kết cấu 108 không bị giới hạn ở kết cấu này. Ví dụ, bộ phận thứ nhất 302 có thể có hai đầu nối đực trong khi bộ phận thứ hai 330 có thể có hai đầu nối cái. Theo một phương án, các đầu nối cái và đực được loại bỏ đối với các kiểu khác của các cơ cấu gắn cố định như các ống bọc có thể được lắp trên các điểm nối.

Fig.11 là hình chiếu đứng thể hiện bộ phận gắn 710 theo một khía cạnh của sáng chế. Theo hình vẽ phóng to này, điểm đầu nối thứ nhất 342 của thanh thứ nhất 336 đã được lắp vào điểm đầu nối thứ hai 316 của thanh thứ hai 310 để tạo ra thanh xà thứ hai 420. Bộ phận gắn thứ hai 710 đã được bố trí ở vị trí mà thanh thứ nhất 336 và thanh thứ hai 310 nối với nhau.

Như đã mô tả trên đây, kẹp 712 của bộ phận gắn thứ hai 710 có thể tạo ra chi tiết đỡ thứ hai để làm ổn định kết cấu 108. Theo một phương án, chi tiết giữ 714 được gắn chặt vào kẹp 712 có thể được điều chỉnh bằng cách loại bỏ mối hàn 716 như nêu trên. Chi tiết điều chỉnh 1102 có thể được sử dụng để giảm hoặc tăng khoảng cách giữa kẹp 712 và chi tiết giữ 714. Chi tiết điều chỉnh 1102, theo một phương án, có thể là vít đơn giản và chi tiết ren, nhờ đó điều chỉnh độ dài, vì thế chi tiết giữ 714 được quay. Chi tiết điều chỉnh 1102 còn có thể được sử dụng ở bộ phận gắn thứ nhất 110.

Fig.12 là hình chiếu cạnh thể hiện bộ phận gắn 710 theo một khía cạnh của sáng chế. Như nêu trên, bộ phận gắn 710 có thể có kẹp 712 và chi tiết giữ 714. Kẹp 712 có thể bao quanh thanh xà thứ hai 420. Ngoài ra, chi tiết điều chỉnh 1102 có thể được sử dụng để tăng hoặc giảm khoảng cách giữa kẹp 712 và chi tiết giữ 714.

Chi tiết điều chỉnh 1102 có thể có phần trên 1202, phần giữa 1204 và phần dưới 1206. Phần trên 1202 của chi tiết điều chỉnh 1102 có thể được cố định vĩnh viễn vào kẹp 712 sao cho nó không di chuyển. Phần giữa 1204 tạo ra các độ dài khác nhau để điều chỉnh và phần dưới 1206 có thể được cố định vào chi tiết giữ 714. Để điều chỉnh độ dài của phần giữa 1204, chi tiết giữ 714 có thể được quay nhờ vít và ren. Như vậy, chi tiết điều chỉnh 1102 có thể cho phép

thay đổi các độ dài giữa kẹp 712 và chi tiết giữ 714.

Fig.13 là hình vẽ phối cảnh từ phía bên thể hiện một ví dụ khác về hệ thống 1300 để cố định bình bú 102 vào cơ cấu giữ trẻ theo một khía cạnh của sáng chế. Hệ thống 1300 này tạo ra một phương án trong đó em bé 106 ngồi bên trong cơ cấu giữ trẻ khi bú. Tuy nhiên, hệ thống 1300 có thể được sử dụng trong nhiều môi trường khác nhau sẽ trở nên rõ ràng qua phần mô tả dưới đây.

Theo một phương án, hệ thống giữ bình bú 1300 có thể có chi tiết phía bên thứ nhất 1302, chi tiết phía bên thứ hai 1310, và thanh xà 1340 kéo dài từ chi tiết phía bên thứ nhất 1302 tới chi tiết phía bên thứ hai 1310. Độ dài của thanh xà 1340 có thể được điều chỉnh dựa trên cơ cấu giữ trẻ. Ví dụ, khoảng cách từ một phía bên của cơ cấu giữ trẻ tới phía bên kia có thể thay đổi bởi nhà sản xuất. Hệ thống 1300, có thể mang đi được, có thể được sử dụng cho các giai đoạn tuổi đời khác nhau của trẻ, nghĩa là, khi trẻ phát triển, một cơ cấu giữ trẻ khác có thể được sử dụng và độ dài của thanh xà 1340 có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào cơ cấu giữ trẻ được sử dụng.

Chi tiết phía bên thứ nhất 1302 của hệ thống giữ bình bú 1300 có thể có, nhưng không bị giới hạn như vậy, phần bên ngoài 1304 và phần bên trong 1306 có thể được nối với nhau ở một phần trên. Phần bên ngoài 1304 và phần bên trong 1306 có thể được làm bằng một vật liệu cứng vững, chẳng hạn kim loại, chất dẻo hoặc vật liệu tương tự. Khe 1308 có thể được tạo ra qua phần bên ngoài 1304 và phần bên trong 1306 như sẽ được mô tả chi tiết có dựa vào chi tiết phía bên thứ hai 1310.

Phần bên ngoài 1304 và phần bên trong 1306 có thể tạo ra một kẹp. Phần bên trong 1306 có thể được làm nghiêng góc hoặc được làm nghiêng về phía phần bên ngoài 1304. Theo một phương án, trạng thái nghiêng có thể cho phép phần bên trong 1306 chạm vào phần bên ngoài 1304. Nhờ kẹp nêu trên, chi tiết phía bên thứ nhất 1302 có thể được nối với cơ cấu giữ trẻ nhờ một liên kết lắp chặt hoặc chặc. Các kiểu phương tiện gắn khác có thể được sử dụng để gắn chắc chắn chi tiết phía bên thứ nhất 1302 vào cơ cấu giữ trẻ, ví dụ, khóa dán, bu lông

và đai ốc, dây buộc hoặc chi tiết tương tự.

Theo một phương án, như được thể hiện trên Fig.13, chi tiết phía bên thứ nhất 1302, cũng như chi tiết phía bên thứ hai 1310, có thể được tạo ra có dạng hình ngũ giác. Các hình dạng khác có thể được sử dụng và chi tiết phía bên 1302 theo sáng chế không bị giới hạn như vậy. Hơn nữa, và theo một phương án, chi tiết phía bên thứ nhất 1302 có thể mở rộng được hoặc có thể điều chỉnh được. Chi tiết phía bên 1302 có thể tăng độ cao theo phương thẳng đứng nhờ phương tiện gắn hoặc chính chi tiết phía bên 1302 có thể cho phép tăng độ cao của nó. Góc mà chi tiết phía bên thứ nhất 1302, cũng như chi tiết phía bên thứ hai 1310, có thể được thiết lập có thể thay đổi phụ thuộc vào cơ cấu giữ trẻ và em bé 106.

Tương tự, chi tiết phía bên thứ hai 1310 có thể có, nhưng không bị giới hạn như vậy, phần bên ngoài 1312 và phần bên trong 1314 có thể được nối với nhau ở phần trên. Chi tiết phía bên thứ hai 1310 có thể được làm bằng các vật liệu tương tự có tác dụng làm chi tiết phía bên thứ nhất 1302. Phần bên ngoài 1312 và phần bên trong 1314 có thể tạo ra khe 1316 và tạo ra một kệ như đã mô tả trên đây có dựa vào chi tiết phía bên thứ nhất 1302, nghĩa là, phần bên trong 1314 có thể được làm nghiêng góc hoặc được làm nghiêng về phía phần bên ngoài 1312.

Chi tiết phía bên thứ hai 1310 cũng có thể mở rộng được và có thể điều chỉnh được đối với cơ cấu giữ trẻ và em bé 106, ví dụ, theo phương thẳng đứng và các góc mà chi tiết phía bên thứ hai 1310 có thể được định vị. Cụ thể hơn, độ cao và góc mà chi tiết phía bên thứ hai 1310 được định vị và được gắn cố định tương ứng với chi tiết phía bên thứ nhất 1302.

Chi tiết phía bên thứ nhất 1302 và chi tiết phía bên thứ hai 1310 có thể được kẹp vào cơ cấu giữ trẻ. Theo một ví dụ, kệ có thể được lắp trên phần trên của tay vịn của cơ cấu giữ trẻ với các khe 1308 và 1316 giữ phần trên của các tay vịn để định vị chắc chắn. Các kiểu phương tiện gắn khác có thể được sử dụng để gắn chắc chắn hệ thống giữ bình bú 1300 vào cơ cấu giữ trẻ. Ví dụ, đai

ốc và bu lông có thể được sử dụng.

Tiếp tục với Fig.13, thanh xà 1340 của hệ thống giữ bình bú 1300 có thể được nối với chi tiết phía bên thứ nhất 1302 và chi tiết phía bên thứ hai 1310, được bố trí song song với nhau. Thanh xà 1340 có thể được hàn vào chi tiết phía bên thứ nhất 1302 và chi tiết phía bên thứ hai 1310. Theo cách khác, thanh xà 1340 có thể được gắn chặt vào chi tiết phía bên thứ nhất 1302 và chi tiết phía bên thứ hai 1310 nhưng có thể được tháo ra khỏi đó. Chất kết dính, đai ốc và bu lông hoặc phương tiện tương tự có thể được sử dụng có thể cho phép thanh xà 1340 có thể được tháo ra khỏi chi tiết phía bên thứ nhất 1302 và chi tiết phía bên thứ hai 1310.

Thanh xà 1340 có thể kéo dài từ chi tiết phía bên thứ nhất 1302 tới chi tiết phía bên thứ hai 1310. Độ dài của thanh xà 1340 có thể được điều chỉnh dựa trên cơ cấu giữ trẻ, ví dụ, khoảng cách giữa các tay vịn. Hơn nữa, thanh xà 1340 có thể được điều chỉnh theo phương thẳng đứng. Theo một phương án, một chi tiết kéo dài thẳng đứng tới thanh xà 1340 có thể được sử dụng.

Thanh xà 1340 có thể có, nhưng không bị giới hạn như vậy, phần cạnh bên thứ nhất 1318, phần cạnh bên thứ hai 1320 và phần giữa 1322. Thanh xà 1340 có thể được làm bằng kim loại, chất dẻo hoặc vật liệu tương tự. Phần cạnh bên thứ nhất 1318 có thể được nối với chi tiết phía bên thứ nhất 1302 và phần cạnh bên thứ hai 1320 có thể được nối với chi tiết phía bên thứ hai 1310, trong đó cả hai mối nối có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời như đã mô tả trên đây. Cụ thể hơn, phần cạnh bên thứ nhất 1318 và phần cạnh bên thứ hai 1320 có thể có cùng chiều dài.

Giữa phần cạnh bên thứ nhất 1318 và phần cạnh bên thứ hai 1320 của thanh xà 1340 có thể có phần giữa 1322. Phần giữa 1322 có thể có đường kính nhỏ hơn, hoặc lớn hơn, để tăng hoặc giảm độ dài của thanh xà 1340. Ví dụ, khi đường kính của phần giữa 1322 nhỏ hơn, phần cạnh bên thứ nhất 1318 hoặc phần cạnh bên thứ hai 1320 có thể trượt trên phần giữa 1322, nhờ đó làm giảm độ dài của thanh xà 1340. Ngược lại, việc kéo phần cạnh bên thứ nhất 1318

hoặc phần cạnh bên thứ hai 1320 ra khỏi phần giữa 1322 có thể tăng độ dài của thanh xà 1340. Theo một phương án, phần giữa 1322, sau khi kéo phần cạnh bên thứ nhất 1318 hoặc phần cạnh bên thứ hai 1320 đủ xa, có thể tháo hoàn toàn phần cạnh bên thứ nhất 1318 hoặc phần cạnh bên thứ hai 1320, nhờ đó tách rời thanh xà 1340 thành hai phần.

Theo một phương án, thanh xà 1340 có thể là một bộ phận. Độ dài của thanh xà 1340 có thể được tăng hoặc giảm nhờ các phần dạng ống lồng. Ví dụ, thanh xà 1340 có thể được nối vĩnh viễn với chi tiết phía bên thứ nhất 1302 và thanh xà 1340 có thể được mở rộng tới chi tiết phía bên thứ hai 1310 nhờ các phần dạng ống lồng. Thanh xà 1340 có thể được nối với chi tiết phía bên thứ hai 1310 nhờ phương tiện gắn như đã mô tả trên đây theo cách vĩnh viễn hoặc tạm thời.

Thanh xà 1340 có thể đỡ bộ phận gắn thứ nhất 110. Bộ phận gắn thứ nhất 110 có thể cho phép định vị và điều chỉnh bình bú 102 như đã mô tả trên đây. Bộ phận gắn 110 có thể được đỡ ở nhiều vị trí dọc theo thanh xà 1340 và không bị giới hạn ở điểm giữa của thanh xà 1340. Bộ phận gắn thứ hai 710 còn có thể được sử dụng và được bố trí dọc theo các vị trí khác nhau trên thanh xà 1340.

Hệ thống giữ bình bú 1300 có thể được bố trí trên cơ cấu giữ trẻ sau khi em bé 106 đã được giữ chắc chắn theo một phương án. Theo cách khác, hệ thống 1300 có thể tạo ra một điểm quay trên chi tiết phía bên thứ nhất 1302 hoặc chi tiết phía bên thứ hai 1310 sao cho thanh xà 1340 có thể được nâng từ nằm ngang tới thẳng đứng để đặt hoặc để em bé 106 vào cơ cấu giữ trẻ. Theo một phương án, thanh xà 1340 có thể được tháo trong khi chi tiết phía bên thứ nhất 1302 và chi tiết phía bên thứ hai 1310 được gắn chắc chắn vào cơ cấu giữ trẻ. Thanh xà 1340 có thể được bổ sung vào một kết cấu khác với kết cấu được mô tả ở đây.

Fig.14 là hình vẽ phóng to thể hiện phần cạnh bên 1320 của hệ thống 1300 để giữ cố định bình bú 102 vào cơ cấu giữ trẻ theo một khía cạnh của sáng chế. Phần cạnh bên thứ hai 1320 có thể có lỗ hở 1402 để cho phép phần giữa

1322, hoặc một phần của nó, có thể đi vào phần cạnh bên thứ hai 1320. Bằng cách cho phép phần giữa 1322 có thể đi vào hoặc đi ra khỏi lỗ hở 1402, độ dài của thanh xà 1340 có thể được giảm hoặc được tăng. Tương tự, phần cạnh bên thứ nhất 1318 có thể có lỗ hở để cho phép phần giữa 1322, hoặc một phần của nó, có thể đi vào hoặc đi ra khỏi phần cạnh bên thứ nhất 1318 để giảm hoặc tăng độ dài của thanh xà 1340.

Fig.15 là hình vẽ phóng to thể hiện phần giữa 1322 của hệ thống 1300 để gắn cố định bình bú 102 vào cơ cấu giữ trẻ theo một khía cạnh của sáng chế. Phần giữa 1322 có thể đi vào hoặc ra khỏi phần cạnh bên thứ nhất 1318 hoặc phần cạnh bên thứ hai 1320 để giảm hoặc tăng độ dài của thanh xà 1340. Như được thể hiện trên hình vẽ, phần giữa 1322 có thể có đường kính nhỏ hơn so với phần cạnh bên thứ nhất 1318 và phần cạnh bên thứ hai 1320. Theo cách khác, phần giữa 1322 có thể có đường kính lớn hơn so với phần cạnh bên thứ nhất 1318 và phần cạnh bên thứ hai 1320 để tăng hoặc giảm độ dài của thanh xà 1340.

Để gắn chắc chắn phần giữa 1322 vào phần cạnh bên thứ nhất 1318 và phần cạnh bên thứ hai 1320, phần giữa 1322 có thể có núm thứ nhất 1502 và núm thứ hai 1504. Các núm 1502 và 1504 có thể tạo ra ma sát trong đó phần giữa 1322 không di chuyển vào và ra khỏi phần cạnh bên thứ nhất 1318 và phần cạnh bên thứ hai 1320 theo cách dễ dàng. Các núm 1502 và 1504 có thể khác biệt ở chỗ, hơi nhô lên so với phần giữa 1322. Một vật liệu có thể được phủ lên các núm 1502 và 1504 để tăng ma sát của phần giữa 1322 để di chuyển vào và ra một cách dễ dàng. Các kết cấu khác có thể được sử dụng sao cho phần giữa 1322 không dễ dàng bị tuột ra khỏi phần cạnh bên thứ nhất 1318 và phần cạnh bên thứ hai 1320, ví dụ, chi tiết cài hoặc các phương tiện gắn khác.

Fig.16 là hình vẽ phối cảnh từ trên xuống thể hiện một ví dụ khác về bộ phận gắn 1610 dùng cho hệ thống theo một khía cạnh của sáng chế. Bộ phận gắn thứ ba 1610 có thể được định vị trên các hệ thống 100 như nêu trên. Bộ phận gắn 1610 có thể được bố trí trên kết cấu 108 và được đỡ bởi bộ phận thứ

nhất 302 hoặc bộ phận thứ hai 330. Tương tự trên đây, kết cấu 108 của hệ thống 100 có thể có thanh xà thứ nhất 410 và thanh xà thứ hai 420. Bộ phận gắn thứ ba 1610 có thể được bố trí trên thanh xà thứ nhất 410, thanh xà thứ hai 420 hoặc thanh xà 1340 dùng cho cơ cấu giữ trẻ. Hơn nữa, bộ phận gắn này có thể được bố trí ở nhiều vị trí khác nhau dọc theo các thanh xà 410, 420 và 1340.

Theo một phương án của sáng chế, kết cấu 108 có thể có các chi tiết ổn định 1620. Các chi tiết ổn định 1620 có thể tạo ra độ bền bổ sung cho hệ thống 100. Các chi tiết ổn định 1620 có thể được nối với bộ phận thứ nhất 302 và bộ phận thứ hai 330. Các chi tiết ổn định 1620 có thể cơ bản phẳng sao cho chúng có thể khiến cho hệ thống 100 khó bị đổ khi kết cấu 108 được bố trí trên mặt đất 112. Các chi tiết ổn định 1620 có thể có nhiều hình dạng và hình thức khác nhau và không bị giới hạn như mô tả trên đây.

Fig.17 là hình vẽ phối cảnh từ phía bên thể hiện bộ phận gắn 1610 dùng cho hệ thống 100 theo một khía cạnh của sáng chế. Bộ phận gắn thứ ba 1610 có thể có phần gài dùng cho bình bú 102. Mặc dù được thể hiện nằm trên thanh xà thứ hai 420, bộ phận gắn 1610 có thể được bố trí trên một trong các thanh xà 410, 420 và 1340 như nêu trên và sáng chế không bị giới hạn ở vị trí trung tâm.

Fig.18 là hình vẽ phối cảnh phóng to thể hiện bộ phận gắn 1610 dùng cho hệ thống 100 theo một khía cạnh của sáng chế. Bộ phận gắn thứ ba 1610 có thể có, nhưng không bị giới hạn như vậy, núm 1802, khoang theo chiều dọc 1810, kẹp 1812 và đai cài 1814 để giữ cố định bình bú 102. Số bộ phận ít hơn hoặc nhiều hơn có thể được sử dụng cho bộ phận gắn 1610 và các bộ phận này được mô tả sau đây nhằm mục đích minh họa.

Núm 1802 có thể có, nhưng không bị giới hạn như vậy, phần núm vặn 1804, phần hình trụ 1806 và phần siết chặt 1808. Phần núm vặn 1804 của núm 1802 có thể cho phép người sử dụng có thể siết chặt và/hoặc nới lỏng bộ phận gắn 1610 đối với kết cấu 108. Theo một phương án, việc xoay núm 1802 theo chiều kim đồng hồ có thể siết chặt bộ phận gắn 1610 vào kết cấu 108 trong khi việc xoay nó ngược chiều kim đồng hồ có thể nới lỏng.

Phần núm vặn 1804 có thể kéo dài bên ngoài khoang theo chiều dọc 1810 qua phần hình trụ 1806. Phần 1806 này có thể ngắn hơn hoặc dài hơn phụ thuộc vào người sử dụng. Phần 1806 có thể đi qua khoang theo chiều dọc 1810 và kết thúc ở phần siết chặt 1808. Phần siết chặt 1808 có thể được bố trí ở phần bên trong của kệ 1812. Bằng cách xoay phần núm vặn 1804 của núm 1802, phần hình trụ theo chiều dọc 1806 được vặn vào hoặc ra khỏi khoang theo chiều dọc 1810 và phần siết chặt 1808 được hạ xuống hoặc được nâng lên. Theo một phương án, điều này có thể xảy ra nhờ phần dạng vít trên phần hình trụ 1806 và phần dạng vít đối diện bên trong khoang theo chiều dọc 1810. Ren trong hoặc ren ngoài có thể được sử dụng ở phần hình trụ 1806 và khoang theo chiều dọc 1810.

Khoang theo chiều dọc 1810 và kệ 1812 của bộ phận gắn 1610 có thể được kết hợp vào một kết cấu liền khối duy nhất. Ngoài ra, đai cài 1814 có thể được kết hợp vào kết cấu này. Theo cách khác, từng chi tiết này có thể được nối với nhau và có thể tháo ra được.

Kệ 1812, như đã minh họa trên đây, có thể được lắp trên một trong số các thanh xà như nêu trên 410, 420 và 1340. Kệ 1812 có thể đơn giản được ép lên các thanh xà 410, 420 và 1340 để cho phép liên kết lắp chặt có thể gắn chắc chắn bộ phận gắn 1610 vào kết cấu 108. Phần siết chặt 1808 của núm 1802 có thể gắn chắc chắn bộ phận gắn 1610 vào các thanh xà 410, 420 và 1340 bằng cách xoay phần núm vặn 1804 như đã mô tả trên đây. Bộ phận gắn 1610 có thể được tháo bằng cách xoay phần núm vặn 1804 theo chiều ngược lại. Đai cài 1814 có thể tạo ra chi tiết gài bình búa.

Fig.19 là hình chiếu cạnh thể hiện bộ phận gắn 1610 dùng cho hệ thống 100 không có núm 1802 theo một khía cạnh của sáng chế. Bộ phận gắn 1610, như đã mô tả trên đây, có thể có khoang theo chiều dọc 1810, kệ 1812 và đai cài 1814. Khoang theo chiều dọc 1810 có thể cho phép núm 1802 có thể siết chặt bộ phận gắn 1610 vào các thanh xà 410, 420 và 1340. Theo một phương án, ren trong hoặc ren ngoài có thể được sử dụng bên trong khoang 1810.

Kẹp 1812 của bộ phận gắn thứ ba 1610 có thể lắp trên các thanh xà 410, 420 và 1340. Phần siết chặt 1808 của núm 1802 khi được hạ xuống có thể gắn chắc chắn bộ phận gắn 1610 vào các thanh xà 410, 420 và 1340. Đai cài 1814 có thể gắn chắc chắn bình bú 102 để cho trẻ bú.

Fig.20 là hình chiếu cạnh thể hiện một ví dụ về núm 1802 theo một khía cạnh của sáng chế. Phần núm vặn 1804 của núm 1802 có thể có dạng hình học để cho phép người sử dụng có thể vặn hoặc xoay núm 1802. Việc vặn phần núm vặn 1804 có thể hạ hoặc nâng phần hình trụ 1806 theo phương thẳng đứng trong khoang theo chiều dọc 1810. Như đã mô tả trên đây, trạng thái nâng và hạ phần hình trụ 1806 có thể siết chặt bộ phận gắn 1610 qua phần siết chặt 1808 vào các thanh xà 410, 420 và 1340.

Fig.21 tới Fig.25 là các hình vẽ dạng sơ đồ thể hiện bộ phận gắn 2100 dùng cho hệ thống 100 theo một khía cạnh của sáng chế. Bộ phận gắn thứ tư 2100 có thể có phần gài dùng cho bình bú 102. Mặc dù được thể hiện nằm trên thanh xà thứ hai 420, bộ phận gắn 2100 có thể được bố trí trên một trong các thanh xà 410, 420 và 1340 như nêu trên và sáng chế không bị giới hạn ở vị trí giữa.

Bộ phận gắn thứ tư 2100 có thể có, nhưng không bị giới hạn như vậy, khoang theo chiều dọc 2110, ống gắn 2112, thanh xà đỡ 2116 và bộ phận giữ 2114 để giữ cố định bình bú 102. Khoang theo chiều dọc 2110 có thể được nối với ống gắn 2112 sao cho khoang theo chiều dọc 2110 có thể nối thông với phần bên trong của ống gắn 2112. Ống gắn 2112 này có thể có đường kính trong 2112A xấp xỉ bằng đường kính của các thanh xà 410, 420 và 1340. Thanh xà đỡ 2116 có thể là chi tiết gần như phẳng. Thanh xà đỡ 2116 có thể kéo dài từ ống gắn 2112 và được nối với bộ phận giữ 2114. Bộ phận giữ 2114 có thể có chi tiết đế 2118. Lỗ hở 2120 có thể được tạo ra xuyên qua chi tiết đế 2118. Lỗ hở 2120 này có thể có kích cỡ và hình dạng để giữ và gắn chắc chắn bình bú 102 trong đó. Núm 1802 (xem Fig.18 và Fig.20) có thể được định vị trong khoang theo chiều dọc 2110 để gắn chắc chắn bộ phận gắn 2100 vào các thanh

xà 410, 420 và 1340 như sẽ được mô tả dưới đây. Số bộ phận ít hơn hoặc nhiều hơn có thể được sử dụng cho bộ phận gắn 2100 và các bộ phận này được mô tả sau đây nhằm mục đích minh họa.

Núm 1802 có thể có, nhưng không bị giới hạn như vậy, phần núm vặn 1804 (xem Fig.18 và Fig.20), phần hình trụ 1806 (xem Fig.18 và Fig.20) và phần siết chặt 1808 (xem Fig.18 và Fig.20). Phần núm vặn 1804 của núm 1802 có thể cho phép người sử dụng có thể siết chặt và/hoặc nói lỏng bộ phận gắn 2100 vào kết cấu 108. Theo một phương án, việc xoay núm 1802 theo chiều kim đồng hồ có thể siết chặt bộ phận gắn 2100 vào kết cấu 108 trong khi việc xoay nó ngược chiều kim đồng hồ có thể nói lỏng.

Phần núm vặn 1804 có thể kéo dài bên ngoài khoang theo chiều dọc 2110 qua phần hình trụ 1806. Phần 1806 này có thể ngắn hơn hoặc dài hơn phụ thuộc vào người sử dụng. Phần 1806 có thể đi qua khoang theo chiều dọc 2110 và kết thúc ở phần siết chặt 1808. Phần siết chặt 1808 có thể được bố trí ở phần bên trong của ống gắn 2112. Bằng cách xoay phần núm vặn 1804 của núm 1802, phần hình trụ theo chiều dọc 1806 được vặn vào hoặc ra khỏi khoang theo chiều dọc 2110 và phần siết chặt 1808 được hạ xuống hoặc được nâng lên. Theo một phương án, điều này có thể xảy ra nhờ phần dạng vít trên phần hình trụ 1806 và phần dạng vít đối diện bên trong khoang theo chiều dọc 2110. Ren trong hoặc ren ngoài có thể được sử dụng ở phần hình trụ 1806 và khoang theo chiều dọc 2110.

Như vậy, để gắn chắc chắn bộ phận gắn 2100, người sử dụng có thể xoay phần núm vặn 1804 của núm 1802 để tháo phần hình trụ theo chiều dọc 1806 ra khỏi khoang theo chiều dọc 2110 sao cho phần siết chặt 1808 gài với một trong số các thanh xà 410, 420 và 1340 mà bộ phận gắn 2100 được liên kết vào. Để nói lỏng bộ phận gắn 2100, người sử dụng có thể xoay phần núm vặn 1804 của núm 1802 theo chiều ngược lại, nhờ đó bắt phần hình trụ theo chiều dọc 1806 vào khoang theo chiều dọc 2110 sao cho phần siết chặt 1808 nhả ra khỏi các thanh xà 410, 420 và 1340 mà bộ phận gắn 2100 được liên kết vào.

Khoang theo chiều dọc 2110, ống gắn 2112, thanh xà đỡ 2116 và bộ phận giữ 2114 của bộ phận gắn 2100 có thể được kết hợp vào một kết cấu liên khối duy nhất. Theo cách khác, từng chi tiết này có thể được nối với nhau và có thể tháo ra được.

Bộ phận gắn 2100 có thể được gắn chắc chắn vào một trong số các thanh xà như nêu trên 410, 420 và 1340 bằng cách lắp một trong số các thanh xà như nêu trên 410, 420 và 1340 qua ống gắn 2112. Phần siết chặt 1808 của núm 1802 có thể gắn chắc chắn bộ phận gắn 2100 vào các thanh xà 410, 420 và 1340 bằng cách xoay phần núm vặn 1804 như đã mô tả trên đây. Bộ phận gắn 2100 có thể được tháo bằng cách xoay phần núm vặn 1804 theo chiều ngược lại. Khi đã được gắn cố định, người sử dụng có thể lắp bình bú 102 vào bộ phận giữ 2114.

Phần mô tả trên đây cho phép người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này có thể áp dụng các phương án khác nhau được mô tả ở đây. Các phương án cải biến khác nhau đối với các phương án này sẽ hiểu được dễ dàng đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này, và các nguyên lý chung được xác định ở đây có thể được áp dụng cho các phương án khác. Như vậy, các điểm yêu cầu bảo hộ không dự kiến bị giới hạn ở các phương án được thể hiện và được mô tả ở đây, mà được xác định tương ứng với toàn bộ phạm vi phù hợp với ngôn ngữ của các điểm yêu cầu bảo hộ, trong đó phần tham khảo liên quan tới một phần tử ở dạng số ít không có nghĩa là "một và chỉ một" trừ khi được xác định rõ ràng như vậy, mà có nghĩa là "một hoặc nhiều". Tất cả các phương án tương đương về kết cấu và chức năng của các phần tử theo các phương án khác nhau của sáng chế đã biết hoặc sẽ biết sau này đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật này đều được kết hợp ở đây bằng cách viện dẫn và dự kiến được xác lập bằng các điểm yêu cầu bảo hộ. Hơn nữa, không có gì bộc lộ ở đây dự kiến dành cho công chúng cho dù chi tiết bộc lộ như vậy có được nêu trong yêu cầu bảo hộ hay không.

Yêu cầu bảo hộ

1. Hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ bao gồm:

phần hình chữ nhật thứ nhất, đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ nhất và đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ nhất được bố trí trên các đầu cạnh bên đối nhau của phần hình chữ nhật thứ nhất;

phần hình chữ nhật thứ hai chạy song song với phần hình chữ nhật thứ nhất, đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ hai và đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ hai được bố trí trên các đầu cạnh bên đối nhau của phần hình chữ nhật thứ hai;

hai chi tiết ổn định gắn chặt vào các đầu dưới đối nhau trên cả phần hình chữ nhật thứ nhất và phần hình chữ nhật thứ hai, từng chi tiết ổn định trong số hai chi tiết ổn định này có dạng phẳng để ngăn không cho hệ thống giữ bình bú bị đổ khi được bố trí trên mặt đất;

thanh xà hình cung thứ nhất được lắp tháo ra được vào đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ nhất và đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ hai, thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất kéo dài từ đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ nhất và có điểm đầu nối thứ nhất kéo dài từ đầu xa của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất, thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất kéo dài từ đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ hai và có điểm đầu nối thứ hai được tạo ra trên đầu xa của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất, điểm đầu nối thứ nhất của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất gài với điểm đầu nối thứ hai của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất để gắn chắc chắn thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất vào thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất;

thanh xà hình cung thứ hai được lắp tháo ra được vào đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ nhất và đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ hai, thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai kéo dài từ đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ hai và có điểm đầu nối

thứ nhất kéo dài từ đầu xa của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai, thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai kéo dài từ đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ nhất và có điểm đầu nối thứ hai được tạo ra trên đầu xa của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai, điểm đầu nối thứ nhất của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai gài với điểm đầu nối thứ hai của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai để gắn chắc chắn thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai vào thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai; và

thanh xà hình cung thứ hai được lắp nhờ bộ phận gắn và gắn chặt bình bú vào thanh xà hình cung thứ hai, bộ phận gắn này có thể điều chỉnh được để gắn chắc chắn bình bú ở các mức khác nhau, trong đó bộ phận gắn bao gồm:

ống gắn;

khoang theo chiều dọc nối với ống gắn và nối thông với phần bên trong của ống gắn; và

bộ phận giữ nối với ống gắn để giữ chắc chắn bình bú;

trong đó thanh xà hình cung thứ hai được định vị bên trong ống gắn để gắn chắc chắn bộ phận gắn vào thanh xà hình cung thứ hai.

2. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 1, trong đó hệ thống này có cơ cấu núm, cơ cấu núm này chạy qua khoang theo chiều dọc gài với thanh xà hình cung thứ hai để duy trì bộ phận gắn trên thanh xà hình cung thứ hai.

3. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 2, trong đó hệ thống này có thanh xà đỡ được nối giữa ống gắn và bộ phận giữ.

4. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 1, trong đó bộ phận giữ bao gồm:

chi tiết đế; và

lỗ hở được tạo ra ở chi tiết đế.

5. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 4, trong đó lỗ hở có chu vi gần như cùng kích thước và hình dạng với bình bú.

6. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 1, trong đó thanh xà hình cung thứ nhất và thanh xà hình cung thứ hai có thể điều chỉnh được về độ dài.

7. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 6, trong đó điểm đầu nổi thứ nhất của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất và điểm đầu nổi thứ nhất của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai là đầu nổi đực di chuyển được bên trong điểm đầu nổi thứ hai của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất và điểm đầu nổi thứ hai của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai lần lượt là các đầu nổi cái để cho phép thanh xà hình cung thứ nhất và thanh xà hình cung thứ hai có thể điều chỉnh được về độ dài.

8. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 1, trong đó phần hình chữ nhật thứ nhất và phần hình chữ nhật thứ hai ở độ cao lớn hơn so với em bé trong hệ thống giữ bình bú nằm trên mặt đất.

9. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 1, trong đó phần hình chữ nhật thứ nhất và phần hình chữ nhật thứ hai ở độ cao cho phép tạo ra khe hở giữa bình bú bên trên mặt đất ở tất cả các mức khác nhau được điều chỉnh bởi bộ phận gắn.

10. Hệ thống giữ bình bú dùng cho cơ cấu giữ trẻ bao gồm:

phần hình chữ nhật thứ nhất, đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ nhất và đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ nhất được bố trí trên các đầu cạnh bên đối nhau của phần hình chữ nhật thứ nhất;

phần hình chữ nhật thứ hai chạy song song với phần hình chữ nhật thứ nhất, đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ hai và đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ hai được bố trí trên các đầu cạnh bên đối nhau của phần hình chữ nhật thứ hai;

hai chi tiết ổn định gắn chặt vào các đầu dưới đối nhau trên cả phần hình chữ nhật thứ nhất và phần hình chữ nhật thứ hai, từng chi tiết ổn định trong số hai chi tiết ổn định này có dạng phẳng để ngăn không cho hệ thống giữ bình bú bị đổ khi được bố trí trên mặt đất;

thanh xà hình cung thứ nhất được lắp tháo ra được vào đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ nhất và đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ hai, thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất kéo dài từ đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ nhất và có điểm

đầu nối thứ nhất kéo dài từ đầu xa của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất, thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất kéo dài từ đầu cạnh bên rộng thứ nhất của phần hình chữ nhật thứ hai và có điểm đầu nối thứ hai được tạo ra trên đầu xa của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất, điểm đầu nối thứ nhất của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất gài với điểm đầu nối thứ hai của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất để gắn chắc chắn thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất vào thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ nhất;

thanh xà hình cung thứ hai được lắp tháo ra được vào đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ nhất và đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ hai, thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai kéo dài từ đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ hai và có điểm đầu nối thứ nhất kéo dài từ đầu xa của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai, thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai kéo dài từ đầu cạnh bên rộng thứ hai của phần hình chữ nhật thứ nhất và có điểm đầu nối thứ hai được tạo ra trên đầu xa của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai, điểm đầu nối thứ nhất của thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai gài với điểm đầu nối thứ hai của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai để gắn chắc chắn thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai vào thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai;

thanh xà hình cung thứ hai được lắp nhờ bộ phận gắn và gắn chặt bình bú vào thanh xà hình cung thứ hai, bộ phận gắn này có thể điều chỉnh được để gắn chắc chắn bình bú ở các mức khác nhau, bộ phận gắn bao gồm:

ống gắn, thanh xà hình cung thứ hai được định vị bên trong ống gắn;

khoang theo chiều dọc nối với ống gắn và nối thông với phần bên trong của ống gắn;

chi tiết đế;

lỗ hở được tạo ra ở chi tiết đế, trong đó lỗ hở này có chu vi gần như cùng kích thước và hình dạng với bình bú;

thanh xà đỡ được gắn chặt vào giữa ống gắn và chi tiết đế; và
 một núm gài với khoang theo chiều dọc để gắn chắc chắn bộ phận gắn
 vào thanh xà hình cung thứ hai;

trong đó phần hình chữ nhật thứ nhất và phần hình chữ nhật thứ hai ở độ
 cao lớn hơn so với em bé trong hệ thống giữ bình bú nằm trên mặt đất.

11. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 10, trong đó thanh xà hình cung thứ nhất và
 thanh xà hình cung thứ hai có thể điều chỉnh được về độ dài.

12. Hệ thống giữ bình bú theo điểm 10, trong đó điểm đầu nối thứ nhất của
 thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ nhất và điểm đầu nối thứ nhất của
 thanh thứ nhất của thanh xà hình cung thứ hai là đầu nối được di chuyển được
 bên trong điểm đầu nối thứ hai của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ
 nhất và điểm đầu nối thứ hai của thanh thứ hai của thanh xà hình cung thứ hai
 lần lượt là các đầu nối cái để cho phép thanh xà hình cung thứ nhất và thanh xà
 hình cung thứ hai có thể điều chỉnh được về độ dài.

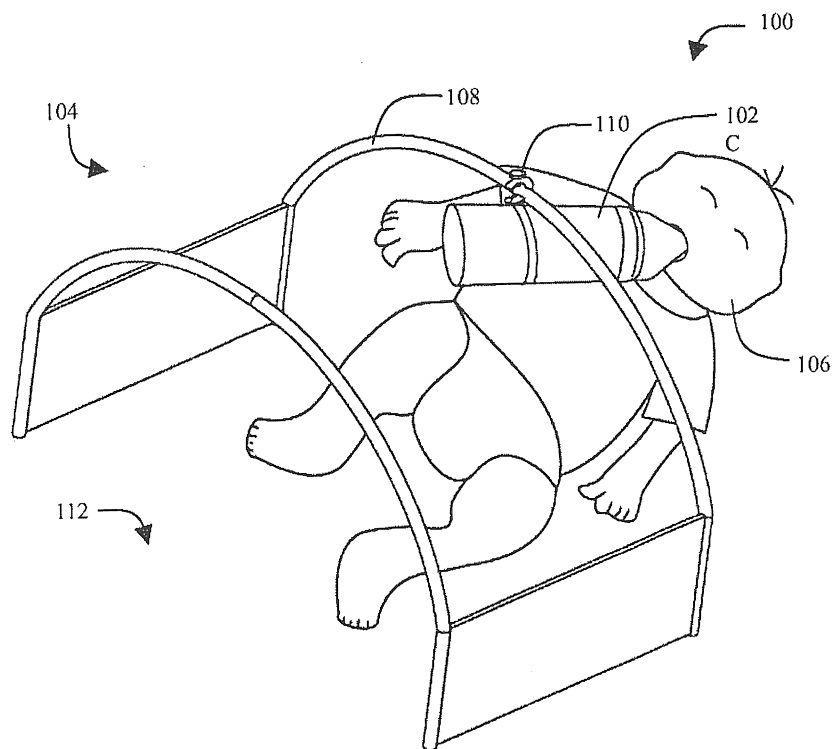


FIG. 1

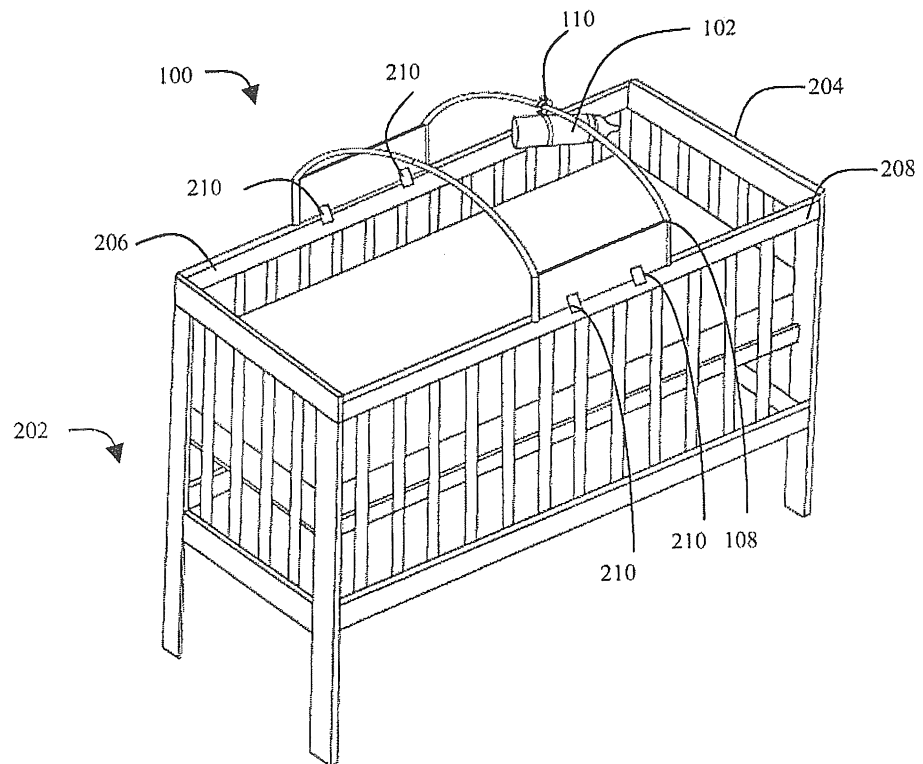


FIG. 2

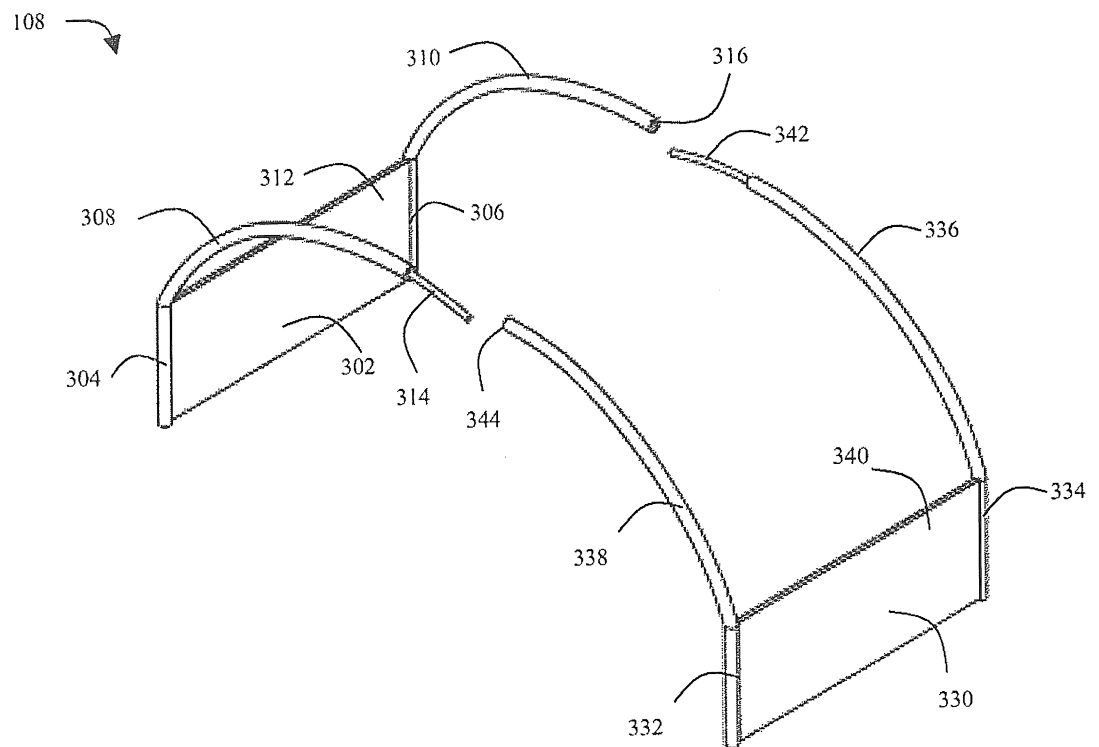


FIG. 3

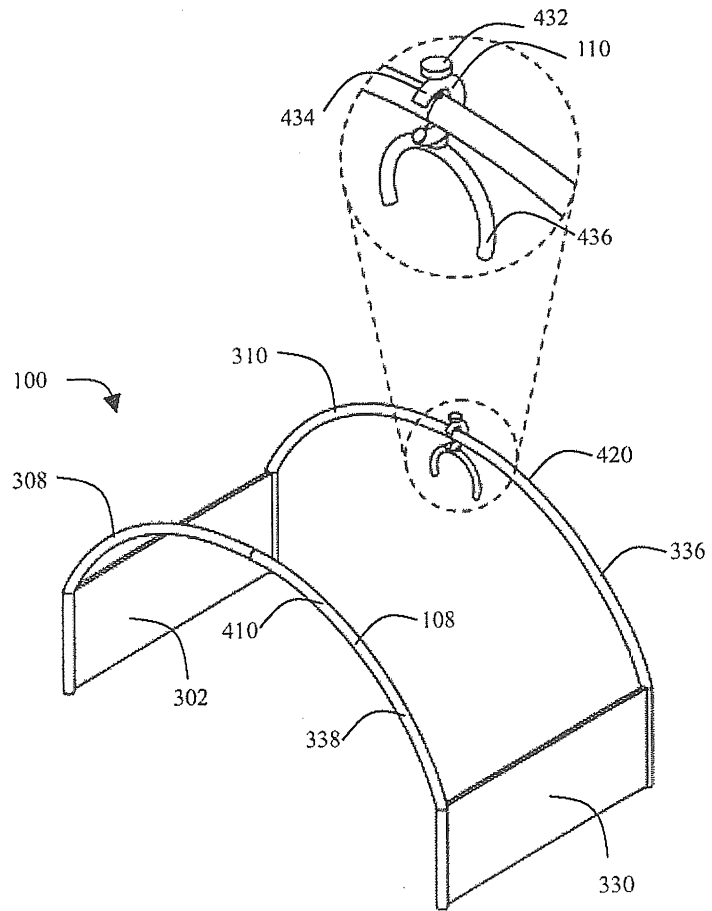


FIG. 4

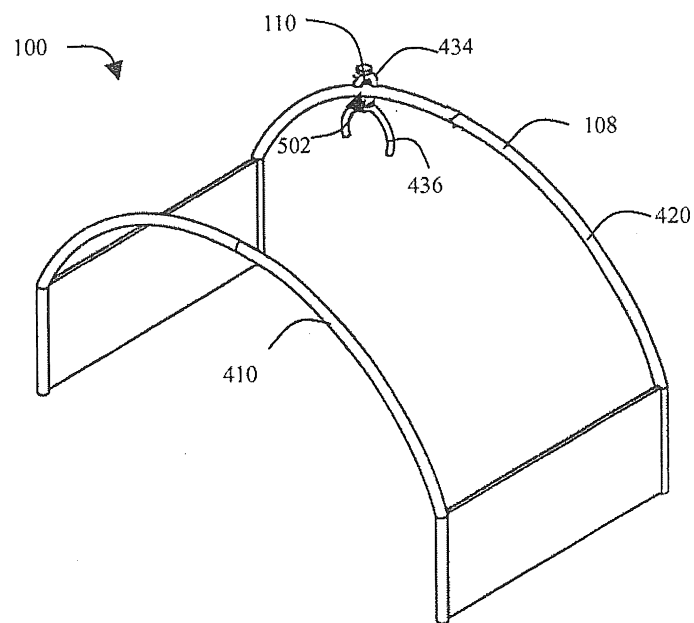


FIG. 5

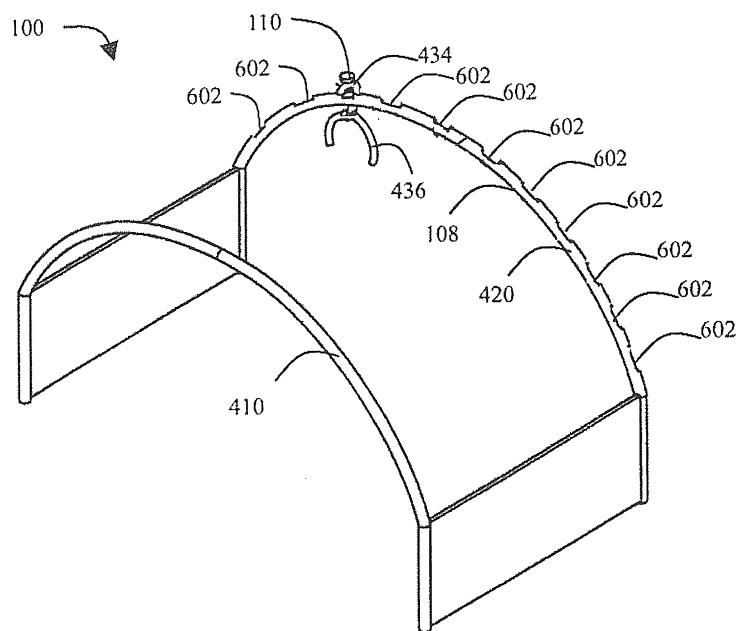
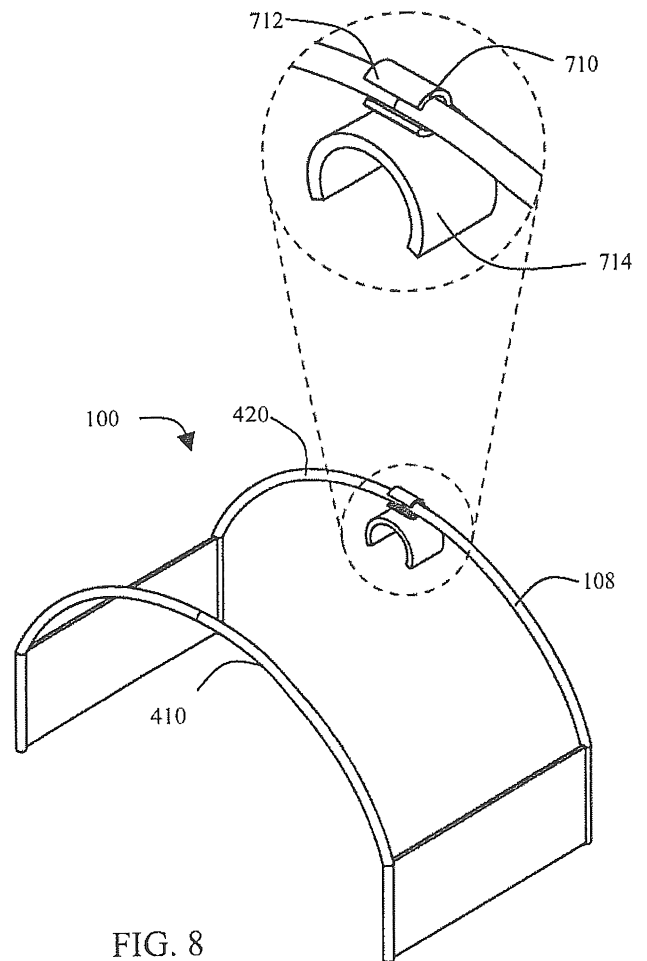
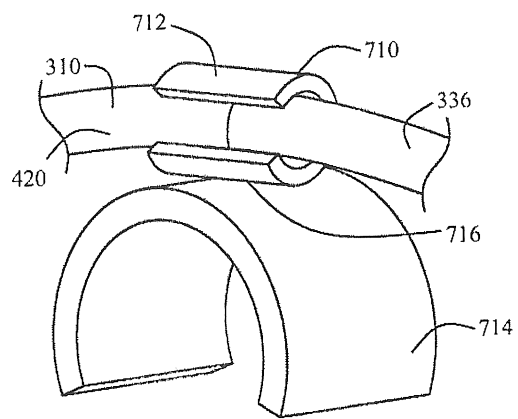


FIG. 6



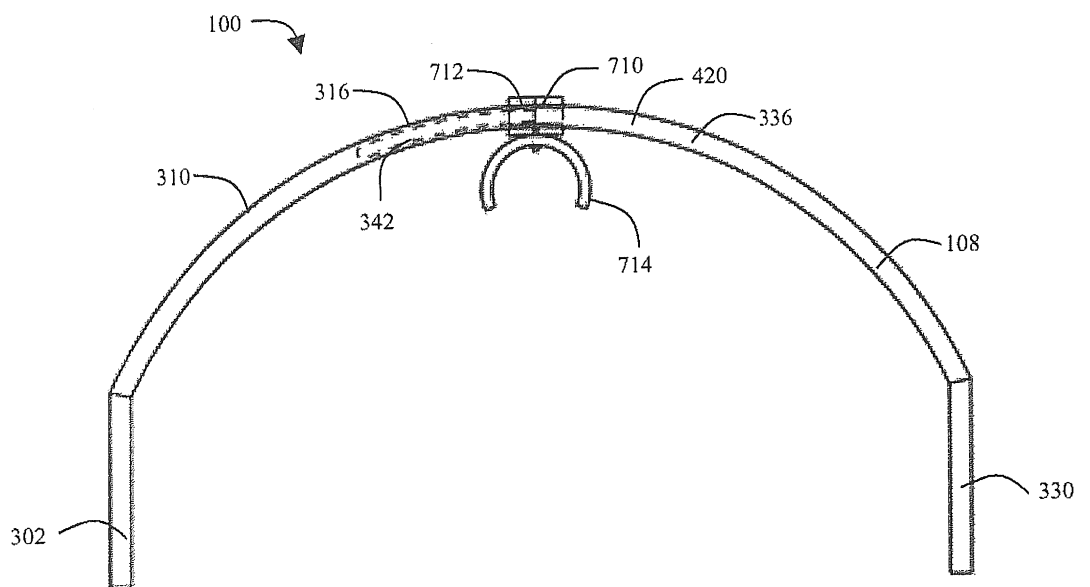


FIG. 9

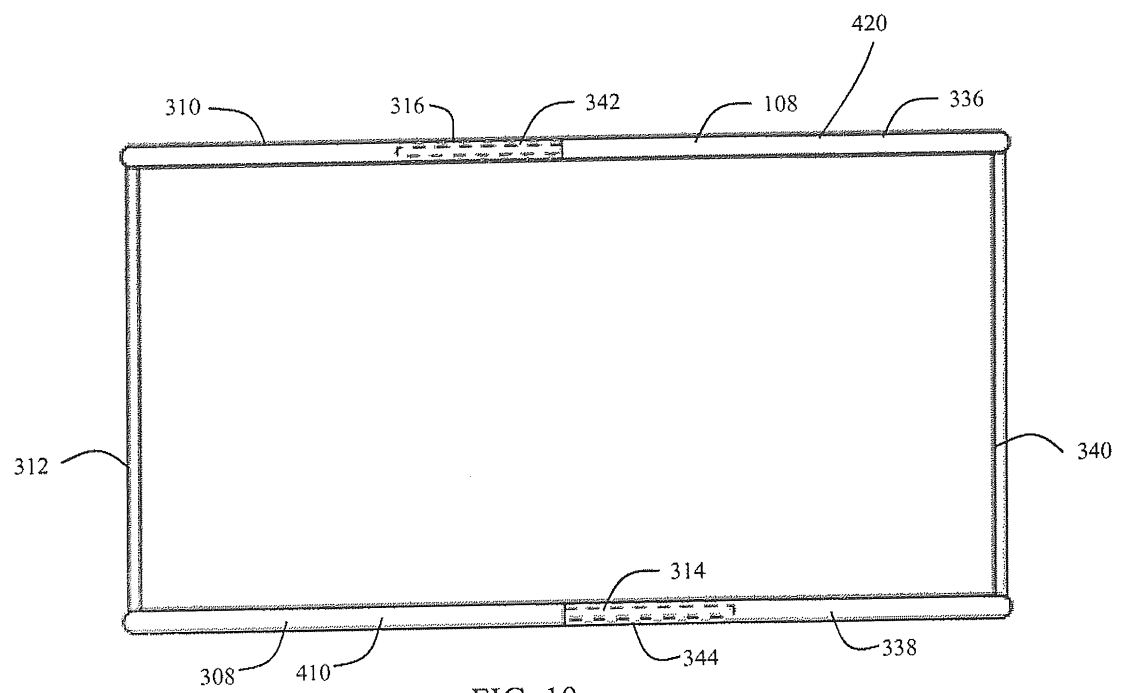


FIG. 10

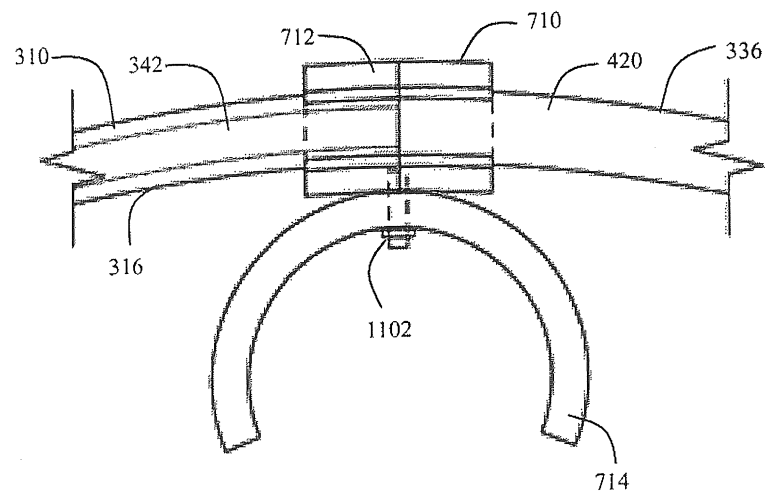


FIG. 11

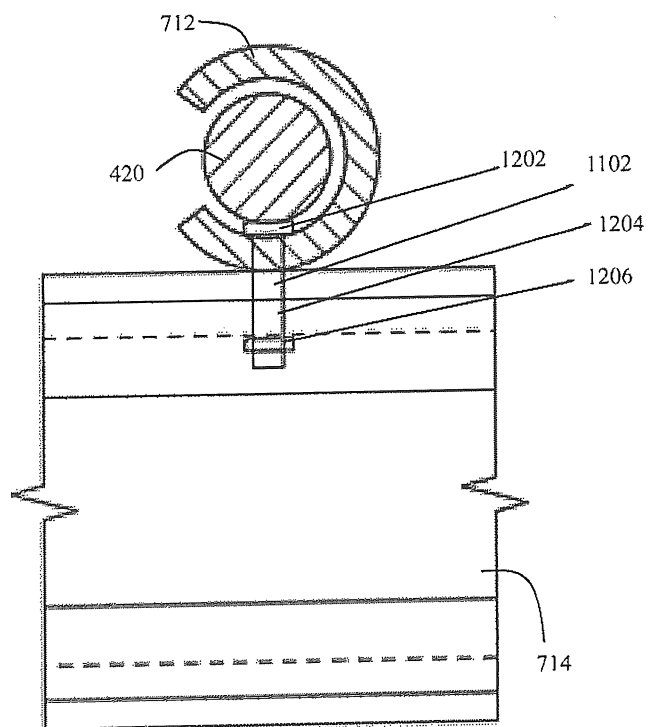


FIG. 12

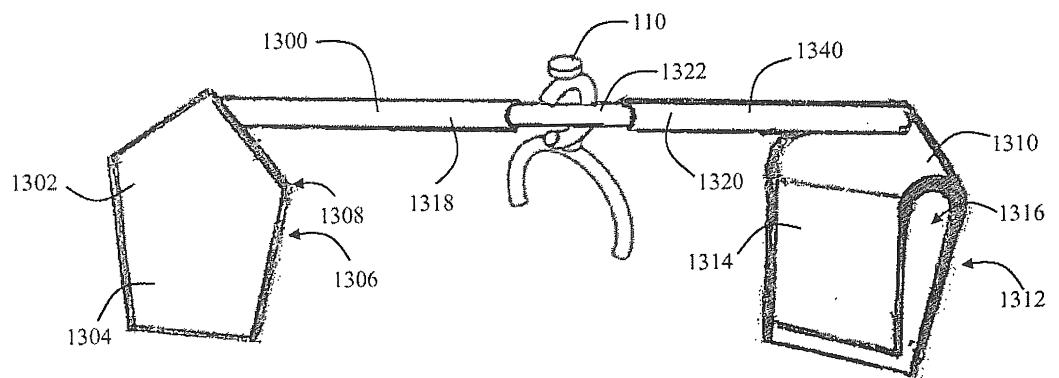


FIG. 13

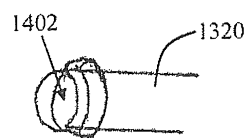


FIG. 14

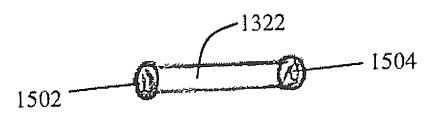
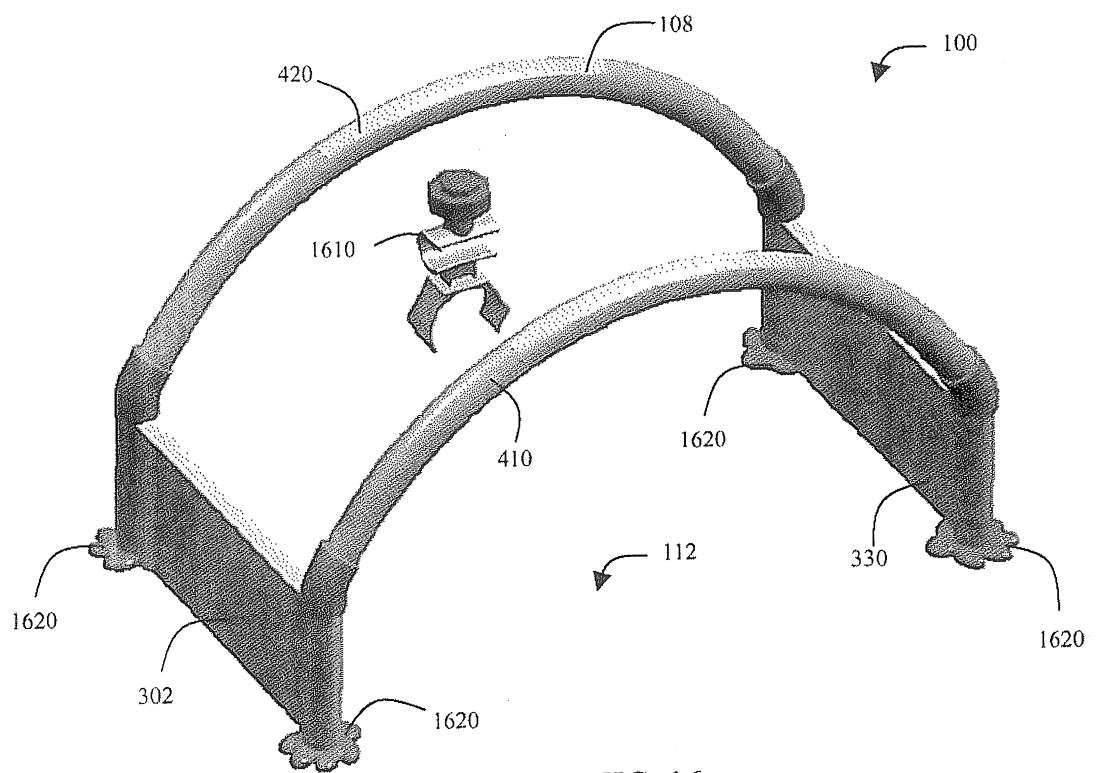


FIG. 15



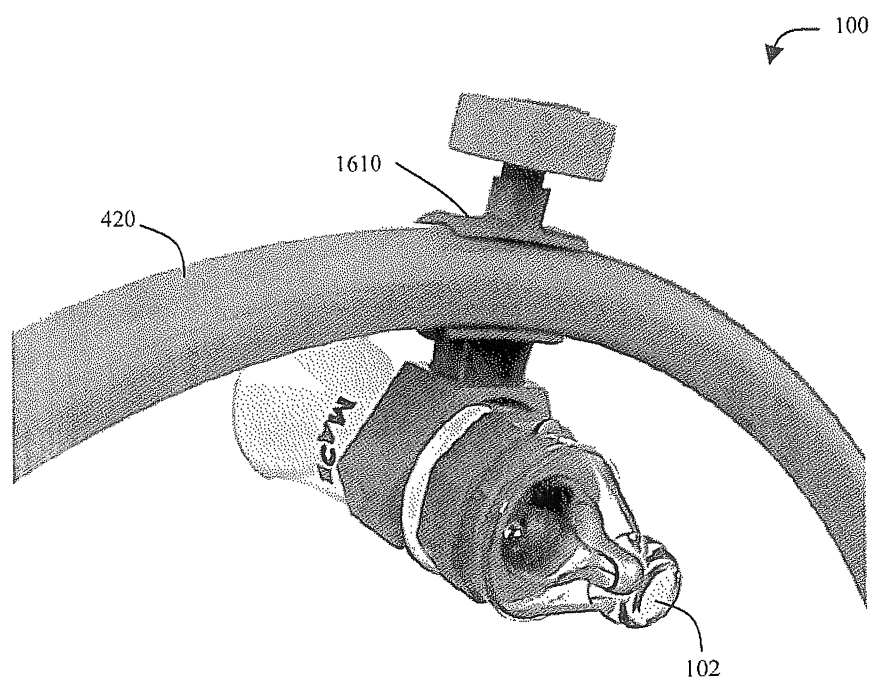


FIG. 17

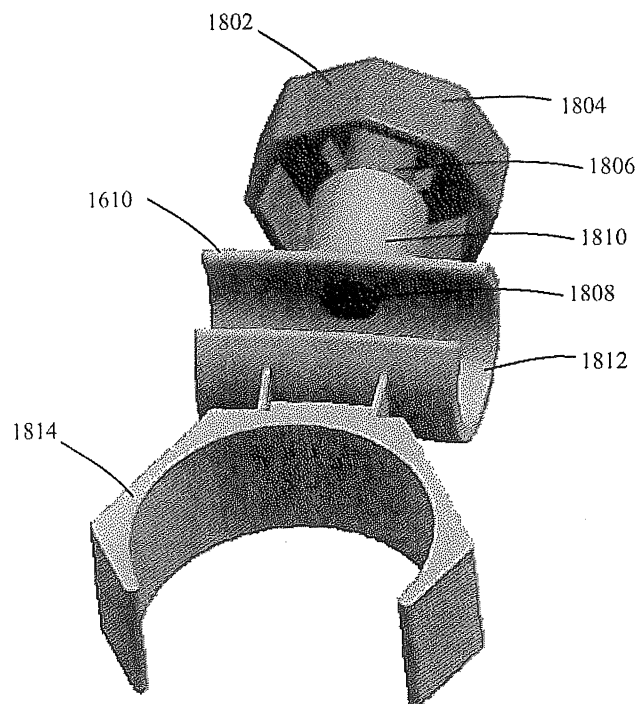


FIG. 18

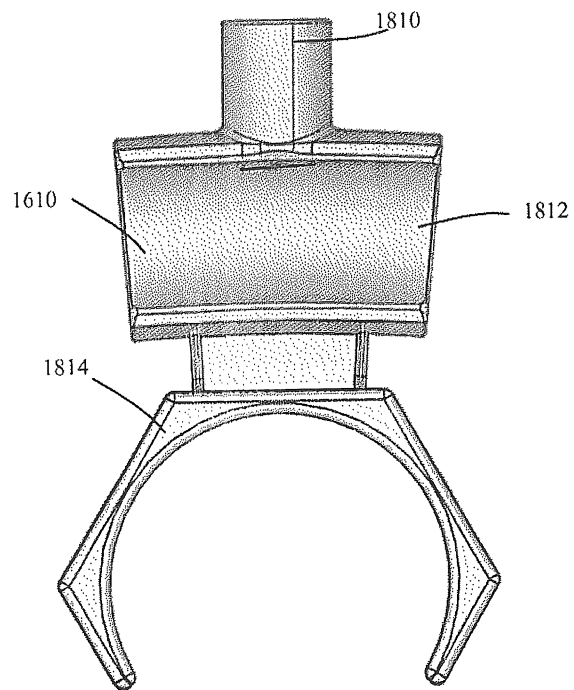


FIG. 19

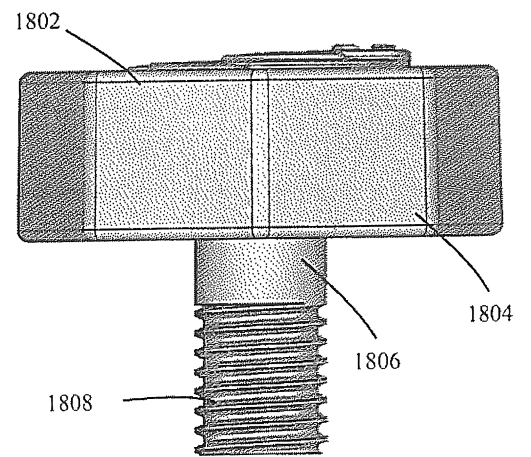


FIG. 20

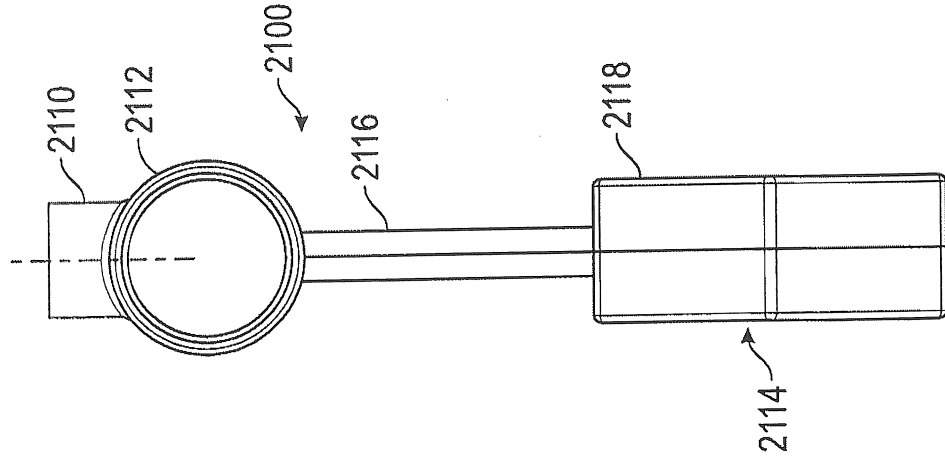


FIG. 22

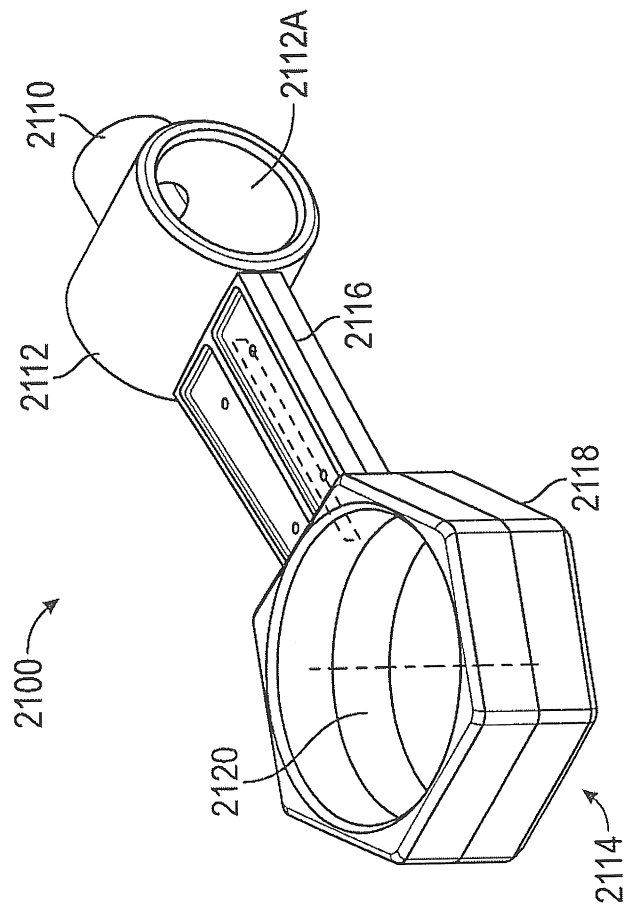


FIG. 21

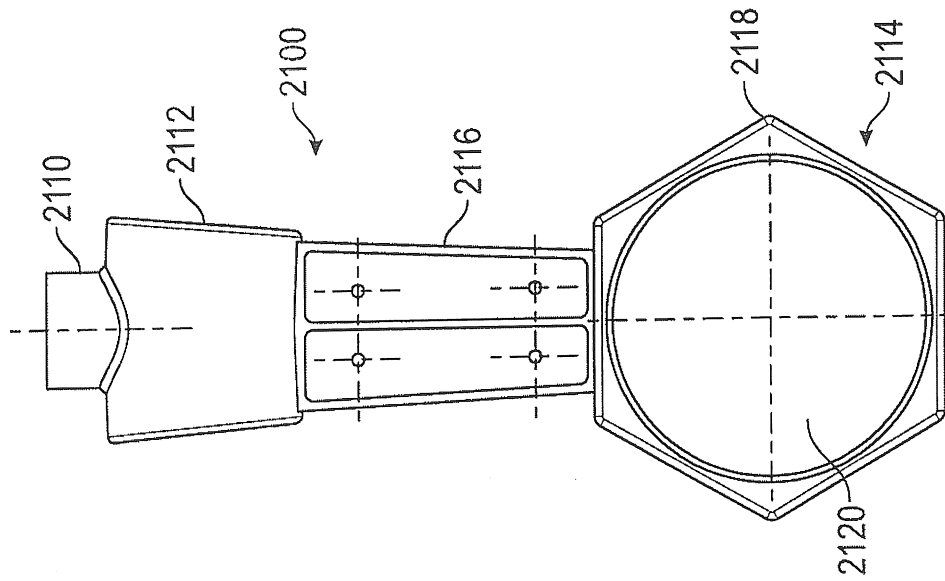


FIG. 23

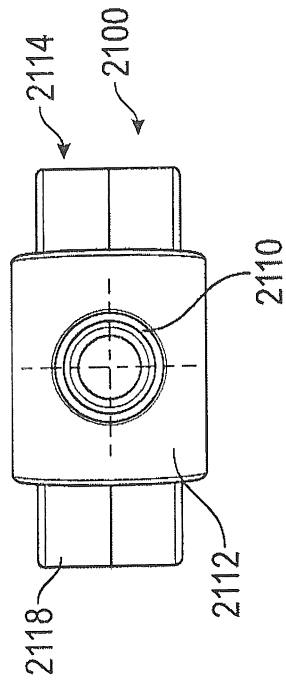


FIG. 24

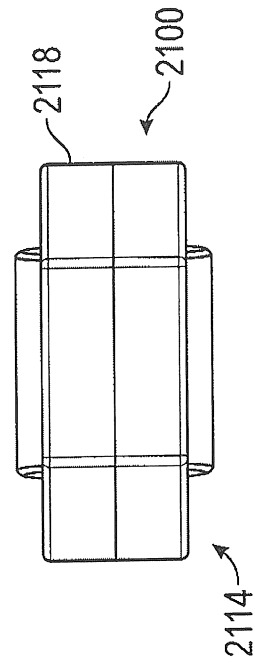


FIG. 25